

# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2020

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN YÊN BÁI

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200565750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 09/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25/09/2015)



**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH** : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Yên Bái

Trụ sở chính : Thôn Hát 2, Xã Hát Liu, Huyện Trạm Tấu, Tỉnh Yên Bái

Điện thoại : (84-29) 6500 268 Fax: (84-29) 6500 268

**TỔ CHỨC TƯ VẤN** : Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính : Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 3562 4626 Fax: (84-24) 3562 4628

Website : [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

**ĐẠI LÝ LƯU KÝ** : Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính : Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 3562 4626 Fax: (84-24) 3562 4628

Website : [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

Bản công bố thông tin này được ban hành ngày 15 tháng 01 năm 2020

## THÔNG TIN QUAN TRỌNG

**Nhà Đầu tư phải đọc các thông tin sau đây trước khi tiếp tục đọc các nội dung khác của Bản Công bố Thông tin này.** Bằng việc tiếp cận với Bản Công bố Thông tin này, Nhà Đầu tư đã chịu sự ràng buộc của các điều khoản và điều kiện, bao gồm bất cứ sửa đổi bổ sung nào liên quan đến Bản Công bố Thông tin vào bất cứ thời điểm nào mà Nhà Đầu tư nhận được các thông tin từ chúng tôi do Nhà Đầu tư đã tiếp cận với Bản Công bố Thông tin.

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát Triển Điện Yên Bái (“Công ty”) chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin được cung cấp trong Bản Công bố Thông tin này và xác nhận rằng, sau khi thực hiện tất cả các yêu cầu hợp lý và với sự hiểu biết tốt nhất của mình, tại thời điểm cung cấp Bản Công bố Thông tin này, tất cả các thông tin được đề cập trong tài liệu này là phù hợp với thực tế và Công ty không bỏ sót một thực tế nào lệch các thông tin khác mà thực tế đó có thể làm sai tin được công bố trong Bản Công bố Thông tin này.

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY KHÔNG ĐƯỢC CHUYỀN, CUNG CẤP HOẶC PHÂN PHỐI CHO BẤT CỨ NGƯỜI NÀO KHÁC VÀ VÀ KHÔNG ĐƯỢC SAO CHÉP LẠI, BỞI BẤT KỲ AI, DƯỚI BẤT CỨ CÁCH THỨC NÀO, VÀ CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO KHÁC.**

Nhà Đầu tư cần lưu ý rằng Bản Công bố Thông tin này đã được gửi cho Nhà Đầu tư trên cơ sở Nhà Đầu tư là người có đầy đủ năng lực và các chấp thuận, cho phép cần thiết để thực hiện việc đầu tư vào Trái phiếu, theo quy định của Pháp luật Việt Nam, được sở hữu Bản Công bố Thông tin này và đã nhận được Bản Công bố Thông tin này một cách hợp pháp tại Việt Nam, phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam. Nhà Đầu tư không và không được ủy quyền để chuyển, cung cấp hoặc phát hành Bản Công bố Thông tin này cho bất cứ người nào khác.

Nếu Bản Công bố Thông tin này được gửi cho các Nhà Đầu tư qua hoặc bằng phương tiện điện tử, các Nhà Đầu tư cần lưu ý rằng các tài liệu được gửi qua phương tiện này có thể bị thay đổi hoặc biến dạng trong quá trình gửi, nhận, in ấn cũng như tiếp nhận các thông tin từ Bản Công bố Thông tin này. Do đó, Tổ chức Phát hành hoặc bất cứ người quản lý, nhân viên hoặc đại diện nào của Tổ chức Phát hành hay các Công ty thành viên của Tổ chức Phát hành sẽ không phải chịu trách nhiệm về sự khác biệt giữa Bản Công bố Thông tin được gửi cho các Nhà Đầu tư bằng hình thức gửi qua phương tiện điện tử và Bản Công bố Thông tin được in ấn, và được Tổ chức Phát hành chuyển, cung cấp hoặc phân phối cho Nhà Đầu tư, khi được yêu cầu.

Việc lưu hành Bản Công bố Thông tin hay bất kỳ việc chào bán, bán hay phân phát Trái phiếu, tại bất kỳ thời điểm nào, trong bất kỳ tình huống nào, sẽ (i) không khẳng định rằng đã không có bất kỳ thay đổi hoặc tiến triển nào liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty, trong thời gian kể từ ngày phát hành Bản Công bố Thông tin này, cũng như (ii) không có ý nói rằng các thông tin trong Bản Công bố Thông tin này sẽ vẫn chính xác vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày phát hành Bản Công bố Thông tin này.

Bản Công bố Thông tin này không phải là bản chào, lời mời của hay thay mặt cho Công ty hay bất kỳ tổ chức tư vấn nào của Công ty để bán hay mời đặt mua bất kỳ Trái phiếu nào và sẽ không được sử dụng vì mục đích chào bán, hoặc lôi kéo bất kỳ người nào (i) tại bất kỳ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nào bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, hoặc (ii) trong bất kỳ trường hợp nào mà tại bất kỳ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nào bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, việc chào bán hoặc lôi kéo như vậy bị coi là không tuân thủ pháp luật, trái phép hoặc bất hợp pháp.

Trái phiếu không phải là đối tượng của việc chào bán ra công chúng tại Việt Nam mà chỉ được chào bán dưới hình thức riêng lẻ (cho dưới 100 nhà đầu tư) tại Việt Nam, theo quy định của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Mỗi Nhà Đầu tư khi nhận được Bản Công bố Thông tin này hoặc khi quyết định hay đã quyết định đầu tư vào Trái phiếu mặc nhiên thừa nhận, khẳng định và đồng ý rằng:

- Việc đầu tư vào Trái phiếu là đầu tư vào lĩnh vực mang tính rủi ro. Nhà Đầu tư là một chủ thể có kiến thức và kinh nghiệm về tài chính, kinh doanh và đầu tư chứng khoán nên có thể đánh giá lợi ích và rủi ro của việc mua Trái phiếu. Xin xem phần “Các Yếu tố Rủi ro”;
- Mỗi Nhà Đầu tư hiểu rằng Trái phiếu chỉ thích hợp với các Nhà Đầu tư đã sẵn sàng chấp nhận rủi ro, bao gồm cả việc mất một phần hoặc toàn bộ tiền gốc. Mỗi Nhà Đầu tư đã công nhận hoặc được coi là đã công nhận rằng họ (i) đã đánh giá và chấp nhận tất cả các rủi ro và hậu quả có thể xảy ra khi đầu tư vào Trái phiếu, (ii) sẽ chịu ràng buộc, tuân thủ và chấp nhận tất cả các ràng buộc, nghĩa vụ và sẽ tuân thủ tất cả các quy định trong Bản Công bố Thông tin này, các thỏa thuận với Tổ chức Phát hành, và các quy định của Pháp luật Việt Nam;
- Mỗi Nhà Đầu tư nhận Bản Công bố Thông tin này thừa nhận rằng họ không dựa vào bất kỳ tổ chức tư vấn nào của Công ty hoặc bất kỳ người nào liên quan với những người này hoặc tổ chức tư vấn, và cá nhân khác có tên trong Bản Công bố Thông tin này hay bất kỳ hình thức nào khác, (i) khi xác minh tính chính xác hoặc đầy đủ của các thông tin được nêu trong Bản Công bố Thông tin này hoặc (ii) khi đưa ra quyết định đầu tư vào Trái phiếu;
- Mỗi Nhà Đầu tư tiềm năng phải tự đánh giá các thông tin liên quan trong Bản Công bố Thông tin này, bằng chính nhận biết của riêng mình và/ hoặc trên cơ sở cần phải tham khảo ý kiến của các tư vấn thuế, pháp lý hoặc kinh doanh của mình, để đưa ra quyết định về việc mua Trái phiếu, khi họ thấy cần thiết; và
- Mỗi người nhận Bản Công bố Thông tin này thừa nhận rằng họ không dựa vào bất kỳ tổ chức tư vấn nào của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Yên Bái hoặc bất kỳ người nào liên quan với những người này hoặc tổ chức tư vấn, và cá nhân khác có tên trong Bản Công bố Thông tin này (hoặc hình thức khác) khi xác minh tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin được nêu trong Bản Công bố Thông tin này hoặc khi đưa ra quyết định đầu tư.

Trừ khi được quy định khác hoặc ngữ cảnh yêu cầu khác đi trong Bản Công bố Thông tin này, các dẫn chiếu đến “VNĐ”, “Đồng” hoặc “đồng” là đồng tiền hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (“**Việt Nam**”), các dẫn chiếu đến “**Chính phủ**” là dẫn chiếu đến Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, và các dẫn chiếu đến “**Bản Công bố Thông tin**” này là dẫn chiếu đến Bản Công bố Thông tin, bao gồm tất cả các phụ lục, tài liệu đính kèm, thông tin bổ sung và các sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm.

## NGUỒN THAM CHIẾU

### Các số liệu quá khứ

Bản Công bố Thông tin này có sử dụng một số số liệu trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Yên Bái cho các năm tài chính kết thúc vào các ngày 31/12/2016; 31/12/2017 và 31/12/2018. Các số liệu đó sẽ được coi là một phần không tách rời của Bản Công bố Thông tin này. Công ty sẽ cung cấp bản sao các báo cáo này cho các Nhà Đầu tư, khi được yêu cầu.

### Các số liệu dự báo

Bản Công bố Thông tin này có chứa đựng một số thông tin và số liệu mang tính chất dự báo. Ngoại trừ các số liệu trong quá khứ, các thông tin và số liệu liên quan đến các hoạt động trong tương lai, chiến lược kinh doanh, các kế hoạch, mục tiêu đầu tư và quản trị, bao gồm các kế hoạch phát triển và số liệu về tăng trưởng của Công ty, v.v. đều chỉ có tính chất dự báo. Các thông tin dự báo này được xây dựng dựa trên những giả định của Công ty về các chiến lược hiện tại và tương lai của Công ty, cũng như môi trường hoạt động kinh doanh của Công ty. Do các thông tin này phản ánh các quan điểm hiện tại về các sự kiện có thể xảy ra trong tương lai, nên không tránh khỏi những ảnh hưởng có thể xảy ra của các yếu tố rủi ro, bất ổn tác động tới các giả định nói trên, khiến cho kết quả kinh doanh thực tế trong tương lai của Công ty có thể khác biệt đáng kể so với các kết quả kinh doanh được dự báo dựa trên những giả định nói trên.

Các thông tin và số liệu dự báo trên chỉ được xem xét tại thời điểm phát hành Bản Công bố Thông tin này. Công ty không có nghĩa vụ phải cập nhật hay sửa đổi bất kỳ số liệu nào, kể cả khi có bất cứ các thông tin hay sự kiện mới nào xảy ra trong tương lai sau ngày phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn đối với cả các thay đổi liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty. Do ảnh hưởng của các yếu tố rủi ro, bất ổn và các giả định nói trên, các Nhà Đầu tư tiềm năng không nên dựa hoàn toàn vào các dự báo này khi đưa ra quyết định đầu tư vào Trái Phiếu.

Liên quan đến các số liệu quá khứ và số liệu dự báo, cho dù có tham gia tư vấn cho Tổ Chức Phát Hành về các vấn đề liên quan trong giao dịch này, Tổ chức thu xếp phát hành hoặc tổ chức tư vấn luật của Tổ Chức Phát Hành không thẩm tra và không có trách nhiệm phải thẩm tra các thông tin đó cũng như không đưa ra những khẳng định hoặc bảo đảm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực và cập nhật của các thông tin và số liệu đó.

MỤC LỤC

BẢNG KÊ CÁC TỪ VIẾT TẮT, ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ .....	7
PHẦN 1 .....	10
TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU .....	10
PHẦN 2 .....	13
THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU .....	13
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU .....	13
II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH .....	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển .....	13
1.1. Giới thiệu chung về Tổ Chức Phát Hành .....	13
1.2. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển .....	14
1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty .....	14
2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của doanh nghiệp .....	15
2.1. Cơ cấu tổ chức .....	15
2.2. Sơ đồ tổ chức hoạt động .....	16
2.3. Thông tin về các nhà máy .....	19
2.4. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng .....	23
3. Cơ cấu cổ đông của Tổ Chức Phát Hành .....	25
4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh chính và các dự án đang triển khai .....	26
4.1. Tổng quan về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	26
4.2. Các dự án chủ đạo đang triển khai .....	29
5. Tình hình tài chính .....	29
5.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản .....	29
5.2. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn .....	34
5.3. Tình hình nộp ngân sách nhà nước .....	35
III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU .....	36
1. Căn cứ pháp lý của đợt phát hành .....	36
2. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu .....	36
3. Mục đích của đợt phát hành trái phiếu .....	38
4. Tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành .....	38
5. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu .....	38
5.1. Kỳ hạn Trái phiếu .....	38
5.2. Mệnh giá .....	38
5.3. Loại hình Trái phiếu .....	38
5.4. Hình thức Trái phiếu .....	38

5.5. Lãi suất Trái phiếu và cách xác định lãi Trái phiếu .....	38
6. Ngày phát hành dự kiến.....	41
7. Phương thức phát hành.....	41
8. Các tổ chức tham gia đợt phát hành .....	41
9. Quyền của Nhà Đầu tư Sở Hữu Trái phiếu.....	42
10. Cam kết về tài sản đảm bảo .....	42
11. Mua lại trước hạn của Tổ Chức Phát Hành.....	43
12. Mua lại Trái phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu .....	43
13. Cam kết của Tổ Chức Phát Hành .....	47
14. Cam kết của Nhà Đầu tư .....	47
15. Các điều khoản và điều kiện khác .....	47
15.1 Lưu ký Trái phiếu .....	47
15.2. Quyền Sở Hữu .....	47
15.3. Cấp lại Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu.....	48
15.4. Chuyển nhượng, thừa kế, cho, tặng Trái Phiếu .....	49
15.5. Sự Kiện Vi Phạm .....	49
15.6. Thông báo.....	52
15.7. Thay đổi và miễn trừ .....	52
15.8. Các đợt phát hành khác.....	53
15.9. Luật Điều chỉnh.....	53
15.10. Miễn trừ.....	53
15.11. Thuế.....	53
IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH .....	55
1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu.....	55
2. Thông tin về Dự án.....	55
2.1. Tổng quan về Dự án .....	55
2.2. Quy mô công trình.....	57
2.3. Tổng mức đầu tư dự án .....	61
2.4. Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án .....	62
V. PHƯƠNG ÁN THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ.....	62
1. Nguồn thanh toán gốc và lãi Trái phiếu.....	62
2. Thứ tự thanh toán.....	62
3. Phương thức thanh toán gốc và lãi Trái phiếu .....	63
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN.....	64
VII. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU.....	65

**DANH MỤC BẢNG**

<i>Bảng 1: Danh sách HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng .....</i>	<i>23</i>
<i>Bảng 2 : Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 31/12/2019 .....</i>	<i>25</i>
<i>Bảng 3: Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 31/12/2019.....</i>	<i>26</i>
<i>Bảng 4: Cơ cấu doanh thu qua các năm 2016, 2017 và 2018 của Công ty.....</i>	<i>27</i>
<i>Bảng 5: Lợi nhuận gộp qua các năm 2016, 2017 và 2018 của Công ty .....</i>	<i>27</i>
<i>Bảng 6: Chi phí kinh doanh qua các năm 2016, 2017 và 2018 của Công ty.....</i>	<i>28</i>
<i>Bảng 7: Tình hình tài chính năm 2016, 2017 và 2018 của Công ty.....</i>	<i>29</i>
<i>Bảng 8: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty .....</i>	<i>30</i>
<i>Bảng 9: Báo cáo về tình hình sử dụng nguồn vốn của Công ty .....</i>	<i>31</i>
<i>Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty.....</i>	<i>32</i>
<i>Bảng 11: Các khoản phải trả của Công ty.....</i>	<i>34</i>
<i>Bảng 12: Các khoản vay của Công ty .....</i>	<i>34</i>
<i>Bảng 13: Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty .....</i>	<i>35</i>
<i>Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh năm trước liền kề năm phát hành .....</i>	<i>37</i>
<i>Bảng 15: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành .....</i>	<i>55</i>
<i>Bảng 16: Tổng mức đầu tư dự kiến Công trình nhà máy Thủy điện Chí Lư.....</i>	<i>61</i>
<i>Bảng 17: Cơ cấu nguồn vốn đầu tư dự kiến Công trình nhà máy Thủy điện Chí Lư .....</i>	<i>62</i>
<i>Bảng 18: Tiến độ doanh thu dự kiến và thanh toán gốc lãi Trái phiếu .....</i>	<i>62</i>

## BẢNG KÊ CÁC TỪ VIẾT TẮT, ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản Công bố Thông tin này có nội dung như sau:

<b>Tổ chức Phát hành hoặc Công ty hoặc FDI</b>	: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Điện Yên Bái
<b>Trái Phiếu</b>	: Trái phiếu FDI năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Yên Bái
<b>HDQT</b>	: Hội đồng Quản trị
<b>DHDCB</b>	: Đại Hội đồng Cổ đông
<b>CTCP</b>	: Công ty cổ phần
<b>BCTC</b>	: Báo cáo tài chính
<b>HĐKD</b>	: Hoạt động kinh doanh
<b>LNST</b>	: Lợi nhuận sau thuế
<b>VĐL</b>	: Vốn điều lệ
<b>Nhà Đầu tư</b>	: Tổ chức, cá nhân mua Trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Yên Bái
<b>Luật Chứng khoán</b>	: Luật Chứng khoán, được thông qua ngày 29/06/2006, và được sửa đổi bổ sung ngày 24/11/2010
<b>Luật Doanh nghiệp</b>	: Luật Doanh nghiệp, được thông qua ngày 26/11/2014
<b>Luật Thuế giá trị gia tăng</b>	: Luật Thuế giá trị gia tăng, được thông qua ngày 03/06/2008, sửa đổi bổ sung ngày 19/6/2013
<b>Luật Thuế thu nhập Cá nhân</b>	: Luật Thuế thu nhập Cá nhân ngày 21/11/2007, sửa đổi bổ sung ngày 22/11/2012
<b>Đồng hoặc VNĐ</b>	: Đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam

Các thuật ngữ trong Bản Công bố Thông tin này sẽ có nghĩa như sau:

- “**Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu**” là chứng chỉ ghi nhận và bằng chứng pháp lý hợp pháp về việc sở hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu tương ứng.
- “**Người Sở Hữu Trái Phiếu**” là người nắm giữ Trái Phiếu, đã được đăng ký và có tên trong Sổ Đăng Ký Trái phiếu do Đại lý lưu ký quản lý;
- “**Ngày Phát Hành**” nghĩa là ngày Nhà Đầu Tư thanh toán tiền mua Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành;
- “**Ngày Đáo Hạn**” nghĩa là ngày tròn sau 7.5 (Bảy phẩy năm) năm kể từ Ngày Phát Hành.



- **“Ngày Thanh Toán Gốc”** là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán tiền gốc Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- **“Ngày Thanh Toán Lãi”** là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán tiền lãi Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- **“Kỳ tính lãi”** là khoảng thời gian 12 (mười hai) tháng liên tiếp, bắt đầu từ Ngày Phát Hành và kết thúc vào Ngày Đáo Hạn. Kỳ tính lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và kết thúc vào (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi lần thứ tư liên tiếp sau Ngày Phát Hành;
- **“Ngày chốt danh sách hưởng lãi trái phiếu”** nghĩa là ngày làm việc thứ 10 (mười) trước Ngày Thanh Toán Lãi;
- **“Ngày chốt danh sách nhập gốc trái phiếu”** nghĩa là ngày làm việc thứ 10 (mười) trước Ngày Đáo Hạn;
- **“Cơ sở tính lãi Trái phiếu”** là số ngày thực tế với cơ sở một năm có 365 ngày;
- **“Ngày Làm Việc”** có nghĩa là ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật;
- **“Mua Lại Trái Phiếu”** có nghĩa là việc Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái phiếu trước hạn (*Xem chi tiết quy định tại Khoản 11 và Khoản 12 Chương III Phần 2 Bản công bố thông tin này*);
- **“Ngày Mua Lại”** là ngày Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái phiếu trước hạn. Ngày Mua Lại được thoả thuận bằng văn bản giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- **“Khả Năng Thanh Toán”** nghĩa là Tổ Chức Phát Hành:
  - i. Có thể thanh toán tất cả các khoản nợ đến hạn; và
  - ii. Có Tài Sản lớn hơn Nợ Phải Trả (ngoài các khoản Nợ Phải Trả liên quan đến các khoản Nợ Thứ Cấp).
- **“Nợ Thứ Cấp”** là khoản nợ mà trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị giải quyết theo thủ tục phá sản hay thanh lý, chủ nợ chỉ được thanh toán sau các yêu cầu thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (các chủ nợ không phải là chủ nợ thứ cấp khác của Tổ Chức Phát Hành). Các khoản nợ bao gồm toàn bộ các khoản nợ phải trả tồn tại hoặc sẽ phát sinh.
- **“Tài Sản”** có nghĩa là tổng tài sản hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành được thể hiện trong báo cáo tài chính mới nhất của Tổ Chức Phát Hành được lập theo Các chuẩn mực kế toán Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần của Tổ Chức Kiểm Toán nhưng nếu Tổ Chức

Phát Hành đang bị đặt trong tình trạng phá sản hoặc thanh lý thì báo cáo tài chính có thể được Tổ Chức Kiểm Toán điều chỉnh lại hoặc khi tòa án chấp nhận;

- **“Tổ Chức Kiểm Toán”** có nghĩa là tổ chức kiểm toán độc lập do Tổ Chức Phát Hành chỉ định và là Tổ Chức Kiểm Toán được chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập;
- **“Số Đăng Ký”** có nghĩa là số đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu hợp pháp của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với số Trái Phiếu ghi nhận thuộc sở hữu của Người Sở Hữu Trái Phiếu trong đó. Trong các quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này về tài khoản đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc về việc xác định Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc có nghĩa vụ tương ứng khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc thanh toán theo Trái Phiếu (kể cả thanh toán khi mua lại);
- **“Sự Kiện Vi Phạm”** có nghĩa là các sự kiện được quy định tại Khoản 15.5 Chương III Phần 2 Bản công bố thông tin này;

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định 163/2018/NĐ-CP ban hành ngày 04/12/2018 về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

## PHẦN 1

## TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

<b>Tên Trái phiếu</b>	Trái phiếu FDI năm 2020
<b>Mã Trái phiếu</b>	FDI.BOND.2020
<b>Tổ Chức Phát Hành</b>	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Yên Bái
<b>Hình thức Trái phiếu</b>	Ghi sổ
<b>Loại hình Trái phiếu</b>	Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo
<b>Phương thức phát hành</b>	Phát hành riêng lẻ
<b>Mệnh giá</b>	100.000.000 đồng/Trái phiếu ( <i>Một trăm triệu đồng/trái phiếu</i> )
<b>Giá phát hành</b>	Bằng 100% mệnh giá
<b>Khối lượng dự kiến phát hành</b>	600 Trái phiếu ( <i>Sáu trăm Trái phiếu</i> )
<b>Tổng giá trị dự kiến phát hành</b>	60.000.000.000 đồng ( <i>Sáu mươi tỷ đồng</i> )
<b>Kỳ hạn Trái phiếu</b>	7.5 (Bảy phảy năm) năm
<b>Ngày phát hành Trái phiếu</b>	Là ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được tiền mua Trái Phiếu từ nhà đầu tư.
<b>Ngày Đáo hạn Trái phiếu</b>	Là ngày tròn 7.5 năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu.
<b>Số đợt phát hành dự kiến</b>	01 (một) đợt
<b>Lãi suất Trái phiếu</b>	Lãi suất áp dụng cho Kỳ tính lãi đầu tiên: <b>10,5%/năm</b>  Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo: được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng (“Lãi suất tham chiếu”) được công bố tại 04 (bốn) Ngân hàng bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Sở Giao dịch) (gọi riêng là “Ngân hàng Tham chiếu” và gọi chung là “Các Ngân hàng Tham chiếu”) tại Ngày xác định lãi suất của Kỳ

	hạn trả lãi cộng (+) biên độ <b>4%/năm</b> .
<b>Kỳ tính lãi</b>	12 (mười hai) tháng
<b>Kỳ trả lãi</b>	03 (ba) tháng
<b>Phương thức thanh toán lãi</b>	Trái phiếu sẽ được hưởng lãi phát sinh trên gốc trái phiếu kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm ngày Ngày Đáo Hạn. Tiền lãi Trái phiếu được thanh toán vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc vào Ngày Mua Lại (lãi trái phiếu được tính bao gồm trong Giá Mua Lại). <i>(Xem chi tiết quy định tại Khoản 5 Chương III và Khoản 3 Chương V Phần 2 Bản Công bố Thông tin này)</i>
<b>Phương thức thanh toán gốc</b>	Tiền gốc được thanh toán vào Ngày Đáo Hạn hoặc vào Ngày Mua Lại. Nếu các ngày nêu trên không phải là Ngày Làm Việc thì Ngày Thanh Toán Gốc là Ngày Làm Việc tiếp theo. <i>(Xem chi tiết quy định tại Khoản 3 Chương V Phần 2 Bản công bố thông tin này)</i>
<b>Thứ tự thanh toán</b>	Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, có tài sản bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
<b>Mua lại Trái phiếu trước hạn của Tổ Chức Phát Hành</b>	Tại bất kỳ thời điểm nào sau thời gian đủ 12 tháng kể từ Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại Trái phiếu phát hành trước khi Trái phiếu đáo hạn. <i>(Xem chi tiết quy định tại Khoản 11 Chương III Phần 2 Bản Công bố Thông tin này)</i>
<b>Mua lại Trái phiếu theo đề nghị của Người Sở Hữu Trái Phiếu</b>	Tại các thời điểm mua lại theo từng đợt mua lại, Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ phải mua lại Trái Phiếu nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu trước khi Trái phiếu đáo hạn. <i>(Xem chi tiết quy định tại Khoản 12 Chương III Phần 2 Bản công bố thông tin này)</i>
<b>Mục đích phát hành</b>	Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ chức phát hành <i>(Xem chi tiết quy định tại Khoản 1 Chương IV Phần 2 Bản công bố thông tin này)</i>
<b>Tài sản bảo đảm</b>	Toàn bộ giá trị nhà máy thủy điện Hát Lìu và toàn bộ các quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án. <i>(Xem chi tiết quy định tại Khoản 10 Chương III Phần 2 Bản công bố thông tin này)</i>

<b><i>Đồng tiền phát hành và thanh toán Trái phiếu</i></b>	Việt Nam đồng (VNĐ)
<b><i>Luật điều chỉnh</i></b>	Luật pháp Việt Nam
<b><i>Tổ chức Tư vấn phát hành</i></b>	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
<b><i>Đại lý Lưu ký</i></b>	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
<b><i>Đại lý quản lý Tài sản bảo đảm</i></b>	Ngân hàng TMCP An Bình
<b><i>Đại lý quản lý Tài khoản và Thanh toán</i></b>	Ngân hàng TMCP An Bình

## PHẦN 2

### THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

#### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

**Tổ Chức Phát Hành: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN YÊN BÁI**

Tổ Chức Phát Hành, thông qua các đại diện công bố thông tin dưới đây, là tổ chức chịu trách nhiệm về nội dung và việc phát hành Bản Công bố Thông tin này

**Ông HOÀNG NGỌC ĐỊNH** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Ông NGUYỄN TÁT ĐẠT** Chức vụ: Giám đốc


**Bà NGUYỄN THỊ GIANG** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi cam kết rằng các thông và số liệu trong Bảng công bố thông tin này là chính xác, phù hợp với thực tế hoặc đã được điều tra, thu thập một cách hợp lý.

#### II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển

##### 1.1. Giới thiệu chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Yên Bái
- Tên tiếng Anh : YENBAI ELECTRICITY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : FDI.,JSC
- Logo : 
- Vốn điều lệ : 300.000.000.000 VNĐ (Theo Giấy CNĐKDN số 5200565750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 09/08/2010 và điều chỉnh lần thứ 7 ngày 25/09/2015).
- Trụ sở chính : Thôn Hát 2, Xã Hát Liu, Huyện Trạm Tấu, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Điện thoại : (84-29) 6500 268
- Fax : (84-29) 6500 268
- Ngành nghề kinh doanh chính : - Xây dựng các công trình: dân dụng công nghiệp, hạ tầng cơ sở, giao thông, công trình thủy điện vừa và nhỏ, công trình công ích;

- San lấp mặt bằng, thu gom, bốc, xúc, vận chuyển đất đá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Khai thác dầu thô, quặng sắt, quặng uranium và quặng thorium...
- Khai thác muối;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Một số ngành nghề khác...

### 1.2. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển

Đi vào hoạt động năm 2010, công ty FDI xác định sự phát triển dựa trên nền tảng uy tín – chất lượng, từng bước phát triển công nghệ hiện đại trong quản lý và thi công tạo ra thương hiệu riêng của FDI trên thị trường quốc tế. FDI phát triển thương hiệu gắn liền với lợi ích cán bộ công nhân viên, lợi ích xã hội và lợi ích đất nước. Vì thế trong những năm qua FDI đã tạo ra những sản phẩm xây dựng mang tính bền vững là các nhà máy thủy điện, tháp sáng tương lai trên mọi miền tổ quốc; xây dựng đất nước ngày một phát triển.

### 1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Năm	VĐL sau tăng (VNĐ)	Mức vốn tăng (VNĐ)	Cơ sở pháp lý
2010	30.000.000.000		Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200565750 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 09/8/2010

Năm	VĐL sau tăng (VND)	Mức vốn tăng (VND)	Cơ sở pháp lý
2012	50.000.000.000	20.000.000.000	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200565750 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 09/8/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09/7/2012
Tháng 3/2013	70.000.000.000	20.000.000.000	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200565750 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 09/8/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/03/2013
Tháng 03/2015	160.000.000.000	90.000.000.000	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200565750 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 09/8/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/03/2015
Tháng 9/2015	300.000.000.000	140.000.000.000	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200565750 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 09/8/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25/09/2015

## 2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của doanh nghiệp

### 2.1. Cơ cấu tổ chức

TT	Tên Công ty	Địa Chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>				
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Hua trai	Bản Lè, xã Hua Trai, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	100.000.000.000	91,2%	Thủy điện
2	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Bú	Bản Mòn, xã Tạ Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	68.000.000.000	83%	Thủy điện
<b>II</b>	<b>Công ty liên kết</b>				

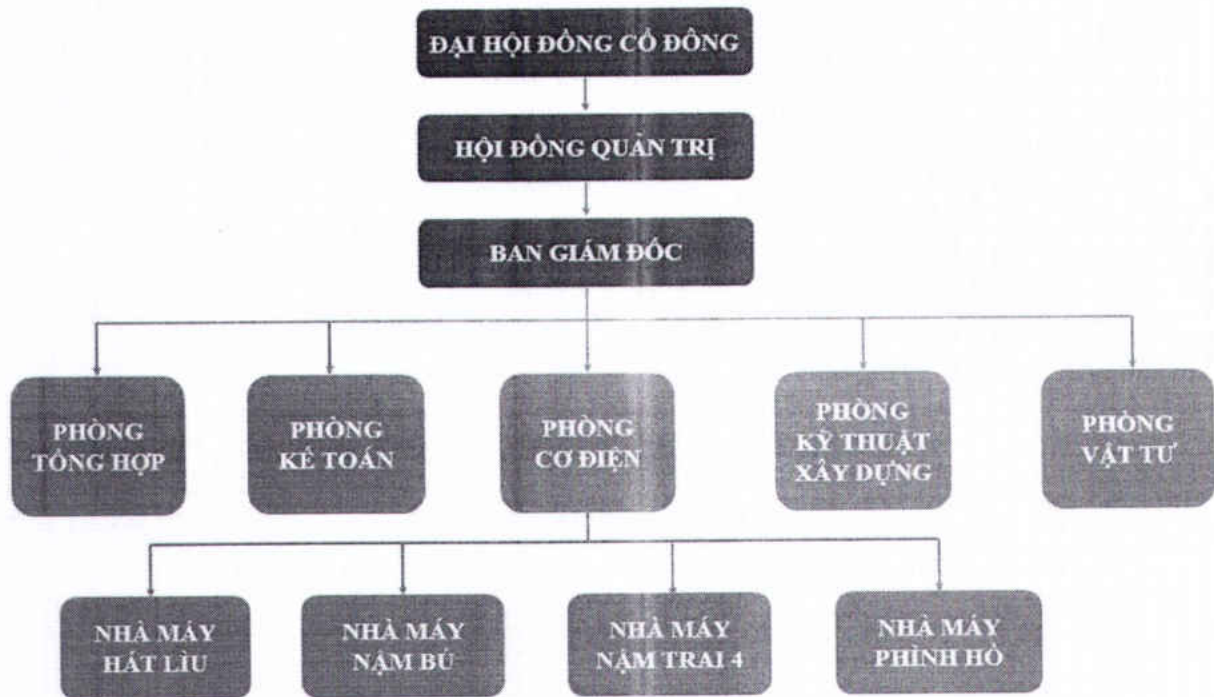


TT	Tên Công ty	Địa Chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh
1	Công ty Cổ phần Hữu Nghị	Số 579, đường Điện Biên, tổ 41, P. Minh Tân, TP Yên Bái, T. Yên Bái	48.000.000.000	48,6249%	Thủy điện

(Nguồn: FDI)

## 2.2. Sơ đồ tổ chức hoạt động

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức hoạt động của Công ty



(Nguồn: FDI)

Mô hình quản trị trên đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị của HĐQT đối với bộ máy điều hành: nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo chiến lược, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự và đầu tư.

### a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. ĐHĐCĐ họp mỗi năm ít nhất 1 lần và quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua định hướng phát triển của công ty, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

b. *Hội đồng Quản trị*

HĐQT là cơ quan quản lý công ty, gồm 03 thành viên, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm, thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c. *Ban Giám đốc*

Giám đốc là đại diện pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và các nhiệm vụ được giao.

d. *Phòng Tổng hợp*

**Chức năng:** Tham mưu, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; thực hiện công tác tổng hợp, thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ, pháp chế, cấp phát thư báo; quản lý, các hoạt động lễ tân, phục vụ, các phương tiện vận tải.

**Nhiệm vụ:**

- + Lập các báo cáo tổng kết công tác hàng tháng, hàng quý, năm
- + Soạn thảo và đánh máy các văn bản hành chính. Kiểm tra thể thức văn bản của các đơn vị theo quy định
- + Quản lý, sử dụng con dấu và các công văn giấy tờ của công ty
- + Quản lý và tổ chức lưu trữ các văn bản, tài liệu theo đúng pháp lệnh về công tác lưu trữ
- + Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm
- + Các công việc khác theo yêu cầu của Công ty

e. *Phòng kế toán*

**Chức năng:**

+ Là bộ phận giúp Giám đốc tổ chức bộ máy Tài chính - Kế toán - Tín dụng trong toàn Công ty

+ Giúp Giám đốc kiểm tra, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế, tài chính trong Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và Công ty cổ phần.

**Nhiệm vụ:**

- + Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính và lập báo cáo thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm.
- + Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu và luân chuyển chứng từ khoa học, hợp lý trong từng đơn vị kế toán.
- + Tham gia đàm phán, dự thảo các hợp đồng của Công ty và hướng dẫn kiểm tra các đơn

vị trực thuộc trong công tác ký kết các hợp đồng kinh tế.

- + Tổ chức tuần hoàn chu chuyển vốn, tổ chức thanh toán tiền kinh doanh, thu hồi công nợ.
- + Tổ chức hướng dẫn và áp dụng hệ thống tài khoản kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu và luân chuyển chứng từ khoa học, hợp lý trong từng đơn vị kế toán.
- + Quản lý chặt chẽ vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản và tổ chức thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

*f. Phòng cơ điện*

**Chức năng:** Tham mưu cho Giám đốc lĩnh vực kỹ thuật cơ khí, điện, điện tử, động lực, máy móc

**Nhiệm vụ:**

- + Lập hồ sơ thiết kế dự toán, theo dõi giám sát các công trình, sản phẩm thuộc lĩnh vực cơ điện của Công ty, thẩm định các hồ sơ thiết kế kỹ thuật theo phân cấp.
- + Lập thủ tục chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án: Đầu tư mới, mở rộng sản xuất, cải tạo nâng cấp hoặc chế tạo mới các sản phẩm thuộc lĩnh vực cơ điện của Công ty.
- + Quản lý kỹ thuật đối với các công trình, sản phẩm gia công chế tạo mới, sửa chữa thuộc lĩnh vực cơ điện của Công ty

*g. Phòng kỹ thuật xây dựng*

**Chức năng:** Tham mưu giúp Giám đốc để triển khai chỉ đạo hoạt động liên quan đến công tác kế hoạch – Kỹ thuật của Công ty

**Nhiệm vụ:**

- + Tham mưu cho Giám đốc hồ sơ thiết kế và thi công các công trình phù hợp với năng lực của Công ty.
- + Lập và xem xét các quy trình kỹ thuật, kế hoạch chất lượng theo yêu cầu của các công trình; Tổ chức hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình kỹ thuật, kế hoạch.
- + Tổ chức thực hiện và thực hiện công tác giám sát trực tiếp đối với công trình thi công. Giám sát, theo dõi kiểm tra phát hiện kịp thời những sự cố kỹ thuật trong quá trình thi công và đề xuất các phương án xử lý.
- + Bóc tách khối lượng, kiểm tra bản vẽ.

*h. Phòng vật tư*

**Chức năng:** Là phòng nghiệp vụ tham mưu, giúp cho Giám đốc Công ty về công tác quản lý vật tư, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất; cung ứng, bảo quản, nhập xuất vật tư vật liệu; quản lý sản phẩm sửa chữa, theo dõi tổng hợp và báo cáo định mức tiêu hao sử dụng quản lý vật tư phế thải thu hồi; quyết toán vật tư, quản lý kho bãi, tài sản liên quan.

**Nhiệm vụ:**

+ Cung ứng bảo quản nhập, xuất vật tư, vật liệu.

+ Căn cứ kế hoạch sản xuất tháng, quý, năm và nhu cầu vật tư của các phòng lập để kiểm tra đối chiếu số lượng, ký mã hiệu, chủng loại ... đối chiếu với hàng tồn kho và sự biến động của thị trường để lập kế hoạch vật tư sát với nhu cầu, đảm bảo tiết kiệm.

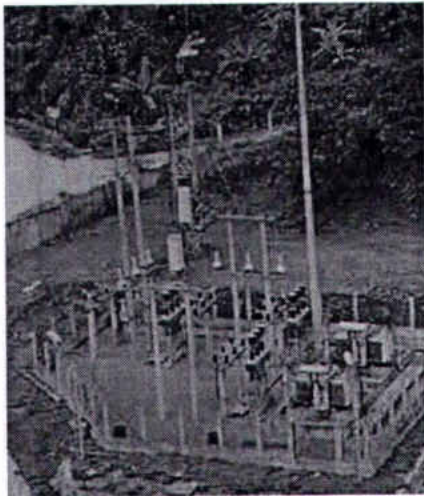
+ Thực hiện nhiệm vụ mua, bán, nhập, xuất, bảo quản vật tư theo đúng Quy chế quản lý vật tư.

+ Lập báo cáo, tháng, quý, năm theo quy định và các đề xuất liên quan, báo cáo Giám đốc.

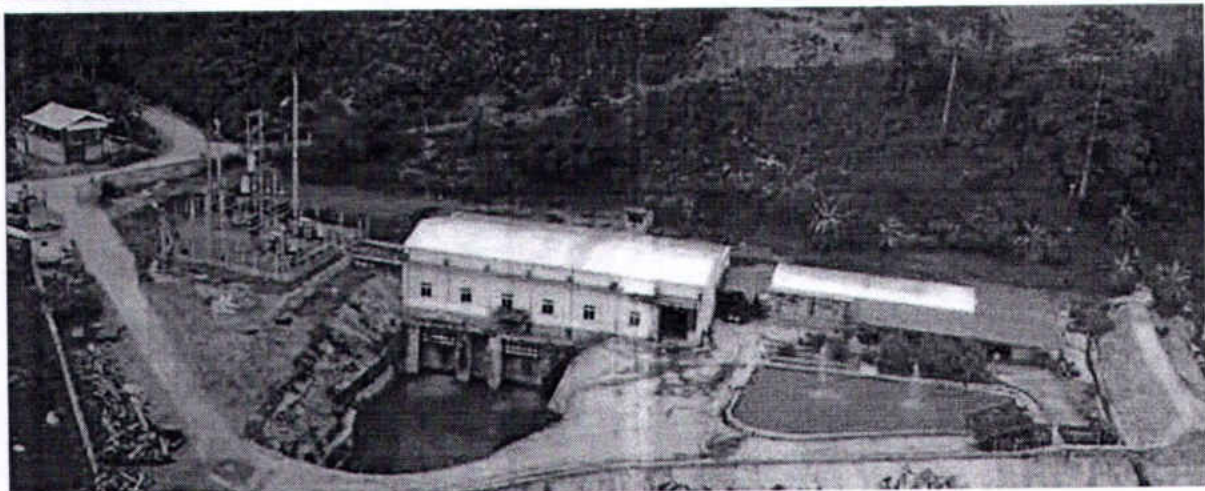
**2.3. Thông tin về các nhà máy**

❖ **Nhà máy Thủy điện Hát Lìu**

**Hình ảnh Nhà máy Thủy điện Hát Lìu**



- Công suất lắp máy: 4.5MW
- Điện lượng TB/năm: 17.7 triệu KWh/năm
- Địa điểm xây dựng: Thôn Hát 2, Xã Hát Lìu, Huyện Trạm Tấu, Tỉnh Yên Bái
- Ngày phát điện: 06/05/2014



❖ *Nhà máy Thủy điện Vực Tuần*

**Hình ảnh Nhà máy Thủy điện Vực Tuần**

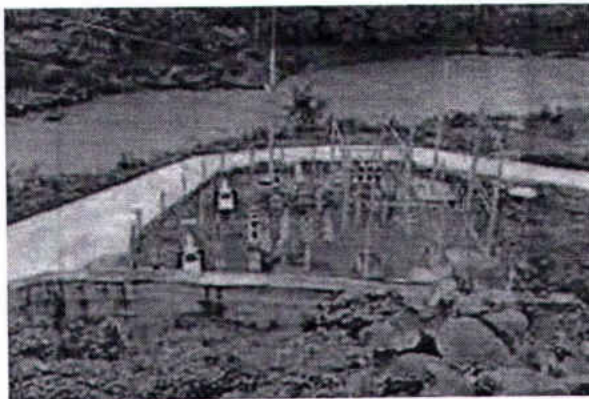


- Công suất lắp máy: 5MW
- Điện lượng TB/năm: 19.22 triệu KWh/năm
- Địa điểm xây dựng: Thôn Đồng Hèo, Xã Cát Thịnh, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
- Ngày phát điện: 08/2016

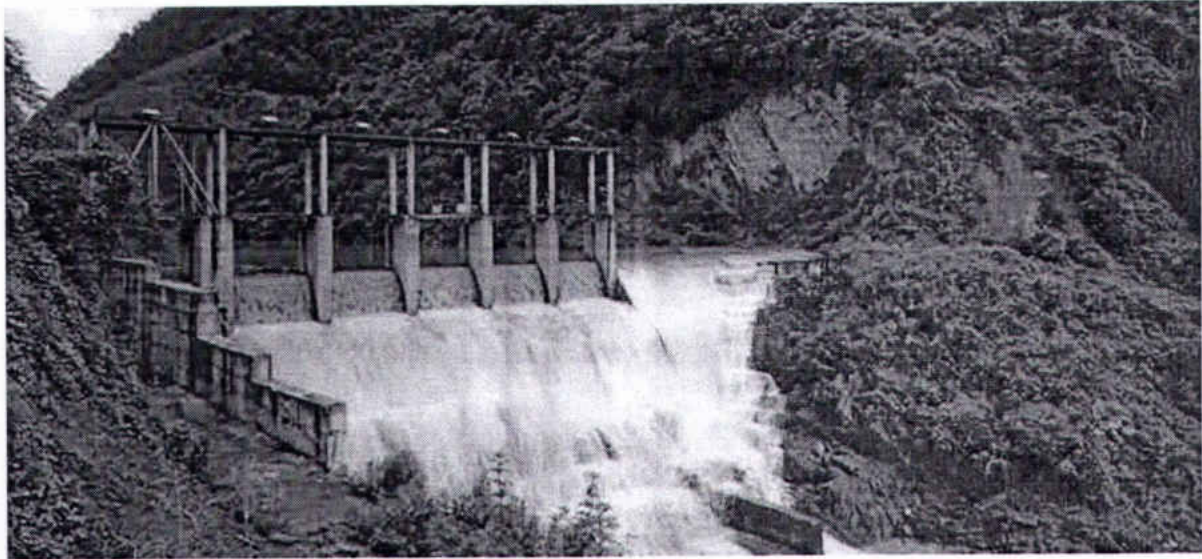


❖ *Nhà máy Thủy điện Nậm Bú*

**Hình ảnh Nhà máy Thủy điện Nậm Bú**



- Công suất lắp máy: 7.2 MW
- Điện lượng TB/năm: 28.7 triệu KWh/năm
- Địa điểm xây dựng: Bàn Mòn, Xã Tạ Bú, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La
- Ngày phát điện: 06/11/2016

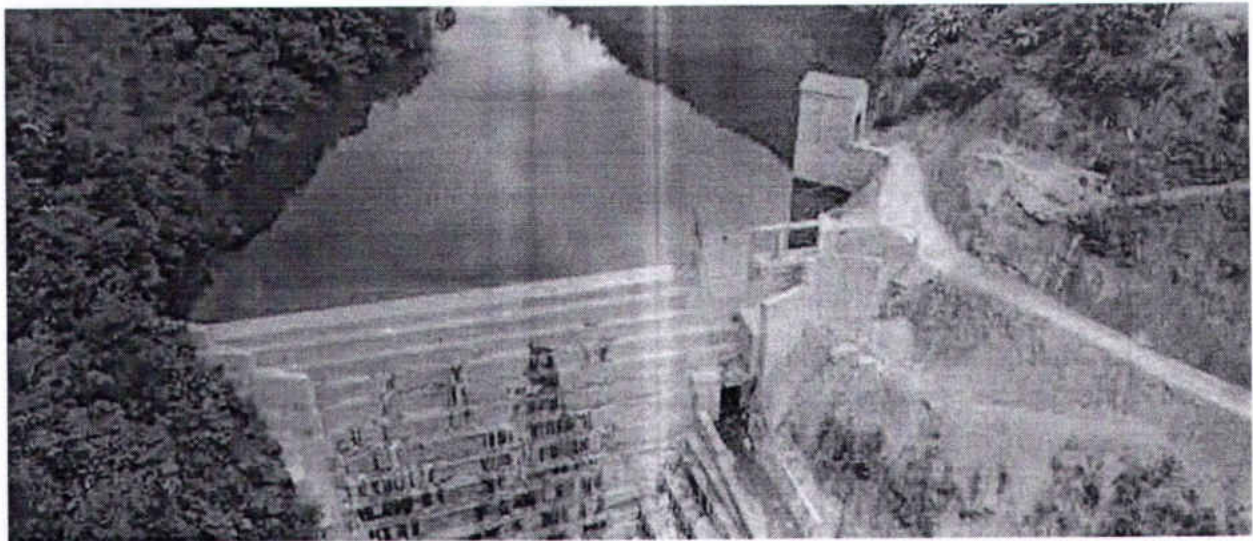


❖ *Nhà máy Thủy điện Nậm Trai 4*

**Hình ảnh Nhà máy Thủy điện Nậm Trai 4**



- Công suất lắp máy: 12MW
- Điện lượng TB/năm: 42.20 triệu KWh/năm
- Địa điểm xây dựng: Bản Lè, Xã Hua Trai, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La
- Ngày phát điện: 01/10/2018



❖ *Nhà máy Thủy điện Phình Hồ*

**Hình ảnh Nhà máy Thủy điện Phình Hồ**



- Công suất lắp máy: 2.5MW
- Điện lượng TB/năm: 7.683 triệu KWh/năm
- Địa điểm xây dựng: Xã Phình Hồ, Huyện Trạm Tấu, Tỉnh Yên Bái
- Ngày phát điện: 09/2019



**2.4. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

**a. Danh sách HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

**Bảng 1: Danh sách HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

STT	Họ tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND/ CCCD/HC
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>			
1	Hoàng Ngọc Định	Chủ tịch HĐQT	1975	038075000198
2	Lê Đức Dũng	Thành viên HĐQT	1996	173922307
3	Nguyễn Tất Đạt	Thành viên HĐQT	1980	060624386
<b>II</b>	<b>Ban Giám đốc</b>			
1	Nguyễn Tất Đạt	Giám đốc	1980	060624386
<b>III</b>	<b>Kế toán trưởng</b>			
1	Nguyễn Thị Giang	Kế toán trưởng	1986	038186002493

**b. Tóm tắt sơ yếu lý lịch**

**❖ Ông Hoàng Ngọc Định - Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: **HOÀNG NGỌC ĐỊNH**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 03/01/1975  
 Số CMND/CCCD: 038075000198 Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, cấp ngày 02/10/2015  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú hiện nay: Tổ 28 phường Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ năm 1999 – 05/2007	Xí nghiệp XDCT Ngâm – Công ty xây dựng Lũng Lô	Chỉ huy trưởng
Từ 05/2007 – 08/2010	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Phát triển điện	Giám đốc
Từ 08/2010 – nay	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Phát triển điện Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển	Giám đốc



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
	Điện Yên Bái	Chủ tịch HĐQT

❖ **Ông Nguyễn Tất Đạt – Ủy viên HĐQT**

Họ và tên: **NGUYỄN TẤT ĐẠT**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 10/04/1980  
 Số CMND/CCCD: 060624386, Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 01/09/2010.  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú hiện nay: Cổ Phúc, Trấn Yên, Yên Bái  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ tháng 12/2005 – 10/2012	Trường PTLC 2,3 Cẩm Nhân	Giáo viên trung học cơ sở
Từ tháng 11/2012 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Yên Bái	Giám đốc, ủy viên HĐQT

❖ **Ông Nguyễn Tất Đạt – Giám đốc**

(Sơ yếu lý lịch như diễn giải tại thành viên HĐQT)

❖ **Ông Lê Đức Dũng – Ủy viên HĐQT**

Họ và tên: **LÊ ĐỨC DŨNG**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 07/03/1996  
 Số CMND/CCCD: 173922307 do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/12/2012.  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú hiện nay: Thị trấn Vân Du – Thạch Thành – Thanh Hóa  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ tháng 04/2016 – nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Đức Phát	Giám đốc
Từ tháng 04/2016 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Yên Bái	Ủy viên HĐQT

❖ **Bà Nguyễn Thị Giang – Kế toán trưởng**

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ GIANG**  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày sinh: 14/09/1986  
 Số CMND/CCCD: 038186002493, Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 28/09/2016  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú hiện nay: Thành Vân, Thạch Thành, Thanh Hóa  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ T01/2012 – T10/2016	Huyện đoàn Thạch Thành	Cán bộ đoàn
Từ T11/2016 đến nay	Công ty CP Đầu tư và phát triển điện Yên Bái	Kế toán trưởng

**3. Cơ cấu cổ đông của Tổ Chức Phát Hành**

Cơ cấu cổ đông của Tổ Chức Phát Hành tại ngày của Bản Công Bố Thông Tin được thể hiện như sau:

**Bảng 2 : Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 31/12/2019**

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>30.000.000</b>	<b>100</b>
	Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% cổ phần)	29.706.000	99,02
	Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 1% cổ phần)	294.000	0,98
	Cổ đông tổ chức	204.000	0,68
	Cổ đông cá nhân	29.796.000	99,32
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-
	Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% cổ phần)	-	-
	Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 1% cổ phần)	-	-

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
	Cổ đông tổ chức	-	-
	Cổ đông cá nhân	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: FDI)

**Bảng 3: Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 31/12/2019**

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Hoàng Ngọc Định	Tổ 28, phường Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	29.706.000	99,02

(Nguồn: FDI)

#### 4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh chính và các dự án đang triển khai

##### 4.1. Tổng quan về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

###### ❖ Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Yên Bái (FDI) đi vào hoạt động năm 2010. Công ty FDI xác định sự phát triển dựa trên nền tảng uy tín – chất lượng, từng bước phát triển công nghệ hiện đại trong quản lý và thi công tạo ra thương hiệu riêng của FDI trên thị trường quốc tế.

FDI phát triển thương hiệu gắn liền với lợi ích cán bộ công nhân viên, lợi ích xã hội và lợi ích đất nước. Vì thế, trong những năm qua FDI đã tạo ra những sản phẩm xây dựng mang tính bền vững là các nhà máy thủy điện, thấp sang tương lai trên mọi miền tổ quốc, xây dựng đất nước ngày một phát triển.

Với đội ngũ lãnh đạo, cán bộ nhân viên nhiệt huyết và năng động cùng sự quan tâm ủng hộ của các đối tác FDI tiếp tục phát triển một cách bền vững, ngày một tạo nên một cột mốc phát triển mới.

**Bảng 4: Cơ cấu doanh thu qua các năm 2016, 2017 và 2018 của Công ty**

Chi tiêu	Năm 2016 (Riêng lẻ)		Năm 2017 (Hợp nhất)		Năm 2018 (Hợp nhất)	
	Gia trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Gia trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Gia trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
			tăng/giảm so với năm trước		tăng/giảm so với năm trước	
Doanh thu Bán hàng và Cung cấp Dịch vụ	70.888.090.686	99,96%	155.214.597.582	99,89%	147.433.047.848	99,996%
Doanh thu hoạt động tài chính	29.512.090	0,04%	168.748.514	0,11%	6.405.986	0,004%
Tổng cộng	70.917.602.776	100%	155.383.346.096	100,00%	147.439.453.834	100,00%

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2016 và BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của Công ty)

**Bảng 5: Lợi nhuận gộp qua các năm 2016, 2017 và 2018 của Công ty**

Chi tiêu	Năm 2016 (Riêng lẻ)	Tỷ lệ/DTT năm 2016 (%)	Năm 2017 (Hợp nhất)	Tỷ lệ/DTT năm 2017 (%)	Năm 2018 (Hợp nhất)	Tỷ lệ/DTT năm 2018 (%)
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	70.888.090.686	100%	155.214.597.582	100%	147.433.047.848
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.277.149.773	21,6%	57.267.087.906	36,9%	45.944.947.339	31,16%

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2016 và BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của Công ty)

Đơn vị tính: đồng

**Bảng 6: Chi phí kinh doanh qua các năm 2016, 2017 và 2018 của Công ty**

Chỉ tiêu	Năm 2016 (Riêng lẻ)		Năm 2017 (Hợp nhất)			Năm 2018 (Hợp nhất)		
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	% tăng/giảm so với năm trước	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	% tăng/giảm so với năm trước
Giá vốn hàng bán	55.610.940.913	97,8%	97.947.509.676	97,9%	76,1%	101.488.100.509	97,5%	3,6%
Chi phí bán hàng	0	0%	0	0%	-	0	0%	-
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	1.279.474.751	2,2%	2.148.003.499	2,1%	67,9%	2.554.706.146	2,5%	18,9%
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.890.415.664</b>	<b>100%</b>	<b>100.095.513.175</b>	<b>100%</b>	<b>75,9%</b>	<b>104.042.806.655</b>	<b>100%</b>	<b>3,9%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2016 và BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của Công ty)

#### 4.2. Các dự án chủ đạo đang triển khai

Trong thời gian tiếp theo, FDI tiếp tục thi công các dự án đang triển khai xây dựng và đã được cấp phép, cụ thể:

STT	Tên dự án	Giấy chứng nhận đầu tư số/ngày	Nơi cấp chứng nhận đầu tư	Công suất	Thời gian hoàn thành dự kiến
1	Nhà máy thủy điện Suối Chiến	Số 863/QĐ-UBND ngày 12/04/2019	UBND tỉnh Sơn La	5MW	Quý II/2021
2	Nhà máy thủy điện Chí Lư	Số 1393/QĐ-UBND ngày 02/08/2019	UBND tỉnh Yên Bái	15MW	Quý II/2021
3	Nhà máy thủy điện Đồng Ngải	Số 2150/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	UBND tỉnh Yên Bái	10MW	Quý IV/2023

(Nguồn: FDI)

#### 5. Tình hình tài chính

##### 5.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

###### ❖ Chỉ tiêu tài chính

**Bảng 7: Tình hình tài chính năm 2016, 2017 và 2018 của Công ty**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (Riêng lẻ)	Năm 2017 (Hợp nhất)	Năm 2018 (Hợp nhất)
1	Vốn chủ sở hữu	229.948.058.598	325.515.330.745	348.691.653.506
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,36	1,37	1,34
3	Lợi nhuận sau thuế	7.361.713.652	25.982.806.532	12.466.929.761
4	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,03	0,08	0,04

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2016 và BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của Công ty)

**Bảng 8: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016 (Riêng lẻ)	Năm 2017 (Hợp nhất)	Năm 2018 (Hợp nhất)
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,06	1,40	0,99
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,71	1,30	0,99
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,27	0,58	0,57
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,36	1,37	1,34
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	3,54	6,51	20,62
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,25	0,29	0,19
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	10,38%	16,74%	8,46%
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	3,89%	9,35%	3,70%
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,56%	4,79%	1,57%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	11,36%	18,57%	11,89%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	342	833	455

(Nguồn: Số liệu tính toán dựa trên BCTC tự lập riêng lẻ năm 2016 và BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của Công ty)

❖ **Báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn và tài sản:**

**Bảng 9: Báo cáo về tình hình sử dụng nguồn vốn của Công ty**

Đơn vị: đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2016 (Riêng lẻ)	Năm 2017 (Hợp nhất)	Năm 2018 (Hợp nhất)
<b>A</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>229.948.058.598</b>	<b>325.515.330.745</b>	<b>348.691.653.506</b>
1	Vốn cổ phần	214.963.708.548	245.572.268.648	273.744.268.648
2	Vốn khác của chủ sở hữu	0	-	-
3	LNST chưa phân phối	13.002.408.258	25.154.954.191	45.603.794.376
4	Quỹ đầu tư phát triển	943.781.805	943.781.805	943.781.805
5	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	52.699.682.436	27.361.648.690
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.038.159.987	1.144.643.665	1.038.159.987
<b>B</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>83.340.014.414</b>	<b>444.846.942.321</b>	<b>465.794.471.837</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>57.376.014.414</b>	<b>103.029.639.866</b>	<b>63.683.156.749</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	17.102.699.076	24.725.864.968	28.312.700.362
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	29.106.890.775	29.540.438.924	31.425.727
3	Thuế và các khoản khác phải nộp NN	2.717.242.708	6.850.265.654	4.849.226.421
4	Phải trả người lao động	58.181.855	298.909.631	-
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	2.050.193.130	1.495.369.337
6	Phải trả ngắn hạn khác	-	2.997.767.559	4.206.330.902
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.391.000.000	36.319.000.000	24.788.104.000
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	247.200.000	-
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>25.964.000.000</b>	<b>341.817.302.455</b>	<b>402.111.315.088</b>
1	Phải trả dài hạn khác	-	-	-
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	1.333.928	177.860.467
3	Vay và nợ thuê tài chính	25.964.000.000	341.815.968.527	401.933.454.621



STT	Nguồn vốn	Năm 2016 (Riêng lẻ)	Năm 2017 (Hợp nhất)	Năm 2018 (Hợp nhất)
	dài hạn			
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>313.288.073.012</b>	<b>770.362.273.066</b>	<b>814.486.125.343</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2016 và BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của Công ty)

**Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty**

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (Riêng lẻ)	Năm 2017 (Hợp nhất)	Năm 2018 (Hợp nhất)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>61.020.207.745</b>	<b>144.233.701.024</b>	<b>62.993.451.279</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>2.401.342.832</b>	<b>4.167.369.495</b>	<b>635.117.692</b>
1	Tiền	2.401.342.832	4.167.369.495	635.117.692
2	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-	-
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>38.367.882.869</b>	<b>127.843.744.628</b>	<b>60.594.711.336</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.922.232.400	18.142.642.930	17.247.643.645
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.632.258.210	59.086.758.111	10.998.035.890
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	4.750.000.000	-	33.400.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	25.063.392.259	50.614.343.587	32.315.631.801
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>20.250.500.428</b>	<b>9.844.417.678</b>	-
1	Hàng tồn kho	20.250.500.428	9.844.417.678	-
2	Dự phòng giảm giá hàng	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (Riêng lẻ)	Năm 2017 (Hợp nhất)	Năm 2018 (Hợp nhất)
	tồn kho			
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>481.616</b>	<b>2.378.169.223</b>	<b>1.763.622.251</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>481.616</b>	-	69.602.852
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	2.378.169.223	1.694.019.399
3	Thuế và các khoản khác phải thu NN	-	-	-
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>252.267.865.267</b>	<b>626.128.572.042</b>	<b>751.492.674.064</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	<b>567.000.000</b>	<b>567.000.000</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	567.000.000	567.000.000
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>121.344.167.900</b>	<b>468.601.904.252</b>	<b>677.853.958.056</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	121.344.167.900	468.601.904.252	677.853.958.056
2	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>7.267.305.083</b>	<b>156.564.864.982</b>	<b>38.017.715.023</b>
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.267.305.083	156.564.864.982	38.017.715.023
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>123.547.899.832</b>	-	<b>34.622.529.228</b>
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	34.622.529.228
2	Đầu tư vào công ty con	123.651.980.000	-	-
3	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-104.080.168	-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>108.492.452</b>	<b>394.802.808</b>	<b>431.471.757</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	108.492.452	371.601.114	322.499.624
2	Lợi thế thương mại	-	23.201.694	108.972.133
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>313.288.073.012</b>	<b>770.362.273.066</b>	<b>814.486.125.343</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2016 và BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của Công ty)

**5.2. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua.

**Bảng 11: Các khoản phải trả của Công ty**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016 (Riêng lẻ)	Năm 2017 (Hợp nhất)	Năm 2018 (Hợp nhất)
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>57.376.014.414</b>	<b>103.029.639.866</b>	<b>63.683.156.749</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	17.102.699.076	24.725.864.968	28.312.700.362
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	29.106.890.775	29.540.438.924	31.425.727
Thuế và các khoản khác phải nộp NN	2.717.242.708	6.850.265.654	4.849.226.421
Phải trả người lao động	58.181.855	298.909.631	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	2.050.193.130	1.495.369.337
Phải trả ngắn hạn khác	-	2.997.767.559	4.206.330.902
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.391.000.000	36.319.000.000	24.788.104.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	247.200.000	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>25.964.000.000</b>	<b>341.817.302.455</b>	<b>402.111.315.088</b>
Chi phí phải trả dài hạn	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	1.333.928	177.860.467
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.964.000.000	341.815.968.527	401.933.454.621
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.340.014.414</b>	<b>444.846.942.321</b>	<b>465.794.471.837</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2016 và BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của Công ty)

**Bảng 12: Các khoản vay của Công ty**

Đơn vị: Đồng

Đối tượng cho vay	Năm 2017 (Hợp nhất)	Năm 2018 (Hợp nhất)
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>36.319.000.000</b>	<b>24.788.104.000</b>
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Sơn La	9.591.000.000	12.855.104.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- chi nhánh Sông Nhuệ	428.000.000	428.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Nam Thăng Long	15.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đô Thành	-	10.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	10.000.000.000	-
Vay cá nhân	1.300.000.000	1.005.000.000

Đối tượng cho vay	Năm 2017 (Hợp nhất)	Năm 2018 (Hợp nhất)
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>341.815.968.527</b>	<b>401.933.454.621</b>
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Sơn La	16.373.000.000	15.758.127.387
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- chi nhánh Sông Nhuệ	1.498.000.000	1.070.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Nam Thăng Long	-	13.912.325.860
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Phát triển Điện	-	6.052.000.000
Công ty Cổ phần Hữu Nghị	-	1.395.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	57.233.084.646	-
Ngân hàng TMCP Công thương -CN Đô Thành	111.111.883.881	220.946.001.374
Ông Hoàng Ngọc Định	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Sơn La	153.600.000.000	142.800.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>378.134.968.527</b>	<b>426.721.558.621</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của Công ty)

### 5.3. Tình hình nộp ngân sách nhà nước

Các khoản phải nộp theo luật định đã được FDI thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho cơ quan Nhà nước đúng hạn.

**Bảng 13: Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016 (Riêng lẻ)	Năm 2017 (Hợp nhất)	Năm 2018 (Hợp nhất)
Thuế giá trị gia tăng	968.143.441	2.678.407.743	1.441.348.317
Thuế tài nguyên	816.935.841	1.676.922.238	1.182.445.051
Thuế thu nhập doanh nghiệp	452.929.230	1.696.932.324	901.623.150
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	2.588.610
Các loại thuế khác	-	30.287.137	75.023.665
Thuế bảo vệ môi trường	320.278.700	671.892.552	544.237.416
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	158.955.496	95.823.660	701.960.212
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.717.242.708</b>	<b>6.850.265.654</b>	<b>4.849.226.421</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2016 và BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của Công ty)

### III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

#### 1. Căn cứ pháp lý của đợt phát hành

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
- Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Yên Bái về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2020.

#### 2. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu

- *Thời gian hoạt động của doanh nghiệp:* Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200565750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 09/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25/09/2015. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoạt động 9 năm dưới mô hình Công ty cổ phần.

- *Kết quả hoạt động kinh doanh năm trước liền kề năm phát hành:*

BCTC riêng lẻ năm 2018 và BCTC hợp nhất năm 2018 của Công ty đều được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là đơn vị được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập. Căn cứ Báo cáo Kiểm toán độc lập số 52A3/2019/BCKT-TC, ý kiến của đơn vị kiểm toán về BCTC hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Yên Bái như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Yên Bái tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác: Số liệu tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Hữu Nghị, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Bú và Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Hua Trai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Châu Á với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần”.

**Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh năm trước liền kề năm phát hành**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018 (Hợp nhất)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	147.433.047.848
Giá vốn hàng bán	101.488.100.509
Lợi nhuận gộp	45.944.947.339
Doanh thu tài chính	6.405.986
Chi phí tài chính	25.870.781.886
Chi phí bán hàng	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.554.706.146
Lợi nhuận trước thuế	13.223.585.592
Lợi nhuận sau thuế	12.466.929.761
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)</b>	<b>455</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của FDI)

- Số lượng nhà đầu tư đăng ký mua Trái Phiếu của đợt phát hành: Dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Phương án phát hành Trái Phiếu đã được phê duyệt tại: Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Yên Bái số 01/2020/NQ-FDI ngày 02 tháng 01 năm 2020.
- Tình hình thanh toán các khoản nợ Trái Phiếu đến hạn trong 03 năm liền kề trước đợt phát hành trái phiếu: Từ khi thành lập đến nay, Công ty chưa thực hiện phát hành trái phiếu, vì vậy Công ty không có các khoản nợ Trái phiếu đến hạn trong 03 năm liền kề trước đợt phát hành trái phiếu.
- Hợp đồng với các bên liên quan đến đợt phát hành:
  - + Hợp đồng tư vấn phát hành số 2910.01/2019/IB/ABS-FDI ngày 29/10/2019 ký với Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình;
  - + Hợp đồng Đại lý Lưu ký Trái Phiếu với Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình số 02012020/2020/HĐDL/ABS-FDI ngày 02 tháng 01 năm 2020;
  - + Hợp đồng Quản lý Tài sản Bảo đảm với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình;

+ Hợp đồng Đại lý Quản lý Tài khoản và Thanh toán với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.

### 3. Mục đích của đợt phát hành trái phiếu

Toàn bộ nguồn vốn thu được từ việc phát hành Trái phiếu dự kiến sẽ được FDI sử dụng cho mục đích tăng quy mô hoạt động cho Công ty. Cụ thể là đầu tư vào Dự án Nhà máy Thủy điện Chí Lư.

*(Xem chi tiết quy định tại Khoản 1 Chương IV Phần 2 Bản công bố thông tin này)*

### 4. Tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành

Tổng giá trị Trái phiếu dự kiến phát hành là **60.000.000.000 VNĐ** (Sáu mươi tỷ đồng).

### 5. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu

#### 5.1. Kỳ hạn Trái phiếu

7.5 (Bảy phẩy năm) năm

#### 5.2. Mệnh giá

100.000.000 đồng/Trái phiếu (Một trăm triệu đồng/trái phiếu).

#### 5.3. Loại hình Trái phiếu

Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo.

#### 5.4. Hình thức Trái phiếu

Ghi sổ

#### 5.5. Lãi suất Trái phiếu và cách xác định lãi Trái phiếu

##### a. Lãi suất Trái phiếu

Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên: 10,5%/năm.

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo: được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng (“Lãi suất tham chiếu”) được công bố tại 04 (bốn) Ngân hàng bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Sở Giao dịch) (gọi riêng là “Ngân hàng Tham chiếu” và gọi chung là “Các Ngân hàng Tham chiếu”) tại Ngày xác định lãi suất của Kỳ hạn trả lãi cộng (+) biên độ **4%/năm**.

b. Cách xác định lãi suất Trái phiếu

- **“Ngày Xác Định Lãi Suất”** là Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Kỳ tính lãi liền kề trước đó. Lãi suất xác định của Trái phiếu sẽ được áp dụng cho 04 kỳ thanh toán lãi liền kề sau đó. Nếu Ngày Xác Định Lãi Suất trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định thì Ngày Xác Định Lãi Suất được thực hiện vào ngày làm việc đầu tiên tiếp theo. Lãi suất được lấy vào khoảng thời gian từ 15:00:00h đến 16:00:00h tại website của Các Ngân hàng Tham chiếu và là lãi suất đang có hiệu lực tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

- Mức lãi suất của các Kỳ tính lãi được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày.

c. Cách xác định lãi Trái phiếu

Trái phiếu sẽ được hưởng lãi phát sinh trên gốc trái phiếu kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm ngày Ngày Đáo Hạn.

Các Ngày Thanh Toán Lãi được quy định cụ thể như sau:

Ngày Thanh Toán Lãi	Thời điểm
Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên	Tròn 03 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai	Tròn 06 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ ba	Tròn 09 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ tư	Tròn 12 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ năm	Tròn 15 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ sáu	Tròn 18 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ bảy	Tròn 21 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ tám	Tròn 24 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ chín	Tròn 27 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ mười	Tròn 30 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ mười một	Tròn 33 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ mười hai	Tròn 36 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ mười ba	Tròn 39 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ mười bốn	Tròn 42 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ mười lăm	Tròn 45 tháng kể từ Ngày Phát Hành



Ngày Thanh Toán Lãi	Thời điểm
Ngày Thanh Toán Lãi thứ mười sáu	Tròn 48 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ mười bảy	Tròn 51 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ mười tám	Tròn 54 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ mười chín	Tròn 57 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai mươi	Tròn 60 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai mươi một	Tròn 63 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai mươi hai	Tròn 66 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai mươi ba	Tròn 69 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai mươi bốn	Tròn 72 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai mươi lăm	Tròn 75 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai mươi sáu	Tròn 78 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai mươi bảy	Tròn 81 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai mươi tám	Tròn 84 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai mươi chín	Tròn 87 tháng kể từ Ngày Phát Hành
Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng	Ngày Đáo Hạn

Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi mỗi Trái phiếu} = \text{Mệnh giá Trái phiếu năm giữ} \times \text{Lãi suất Trái phiếu} \times \frac{\text{Số ngày nắm giữ thực tế}}{365}$$

*Trong đó:*

- Số ngày nắm giữ thực tế (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Phát hành đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên và (ii) đối với mỗi Ngày Thanh Toán Lãi tiếp theo, sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi của lần thanh toán lãi ngay trước đó đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đó.
- Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày.

Nếu các Ngày Thanh Toán Lãi không phải là Ngày làm việc thì việc thanh toán sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp này, tiền lãi được tính đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế, với lãi suất được áp dụng cho Kỳ Tính Lãi của khoản lãi chưa được thanh toán nêu trên.

**6. Ngày phát hành dự kiến**

Trong Quý I/2020

**7. Phương thức phát hành**

Phát hành trái phiếu riêng lẻ.

**8. Các tổ chức tham gia đợt phát hành**

a. Tổ chức Tư vấn phát hành:

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn là tổ chức tư vấn phát hành Trái phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình chịu trách nhiệm về kết quả tư vấn phát hành Trái phiếu cho Tổ Chức Phát Hành trên cơ sở tuân thủ về điều kiện phát hành trái phiếu và hồ sơ phát hành theo quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 13 Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, tuân thủ quy định về quy định về giới hạn số lượng nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và Khoản 8 Điều 6 Nghị định 163/2018/NĐ-CP.

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình cam kết công bố đầy đủ và chính xác thông tin đến tất cả Nhà Đầu Tư trên cơ sở các thông tin được Tổ Chức Phát Hành cung cấp.

b. Đại lý Lưu ký Trái phiếu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn là Đại lý Lưu ký Trái phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình cam kết thực hiện lưu ký trái phiếu, cung cấp thông tin và quản lý số lượng nhà đầu tư sở hữu trái phiếu theo quy định tại Điều 16 Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình cam kết thực hiện cung cấp thông tin định kỳ về tình hình lưu ký trái phiếu và việc sở hữu trái phiếu của các nhà đầu tư cho Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

c. Đại lý quản lý Tài sản bảo đảm:

- Tổ Chức Phát Hành cam kết sử dụng các biện pháp bảo đảm để đảm bảo cho việc san bảo đảm sẽ được quy định tại Hợp đồng Quản lý Tài sản Đảm bảo.
  - Bình là Đại lý Quản lý Tài sản Đảm bảo. Các quy định liên quan đến cách tính, định giá tài sản
  - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Yên Bái lựa chọn Ngân hàng TMCP An
  - Nội dung chi tiết sẽ được quy định trong Hợp đồng Quản lý Tài sản bảo đảm.
- quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án.
- Tài sản đảm bảo dự kiến: Toàn bộ giá trị nhà máy thủy điện Hát Lìu và toàn bộ các
  - Hình thức đảm bảo: Bảo đảm bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành.

#### 10. Cam kết về tài sản đảm bảo

- quy định của pháp luật.
- Được dùng Trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu và sử dụng Trái phiếu làm tài sản đảm bảo trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo
  - Mọi Người Sở hữu Trái phiếu sẽ được coi là người sở hữu duy nhất của Trái phiếu đó

#### 9. Quyền của Nhà Đầu tư Sở Hữu Trái phiếu

- Mọi Người Sở hữu Trái phiếu sẽ được coi là người sở hữu duy nhất của Trái phiếu đó
  - Mọi Người Sở hữu Trái phiếu sẽ được coi là người sở hữu duy nhất của Trái phiếu đó
- được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái phiếu đó, theo quy định của Ban Công bố thông tin phát hành Trái phiếu riêng lẻ, Hợp đồng mua bán Trái phiếu, các hợp đồng liên quan, các quy định của pháp luật Việt Nam;
- Đài lý Quản lý Tài Khoản và Thanh Toán); (iii) dịch vụ thanh toán trong phạm vi liên quan
- Khoản Trái Phiếu, Tài Khoản Thuong Mại, Tài Khoản Khác (được định nghĩa tại Hợp đồng
- số tiền mà Tổ Chức Phát Hành thu được từ việc phát hành Trái Phiếu; (ii) dịch vụ quản lý Tài
- Ngân hàng TMCP An Bình cung cấp các dịch vụ sau: (i) dịch vụ giữ và quản lý toàn bộ
- và Thanh Toán ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Ngân hàng TMCP An Bình.
- Ngân hàng TMCP An Bình được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn là Đại lý Quản lý Tài
- Khoản và Thanh Toán của đợt phát hành Trái phiếu theo Hợp đồng Đài lý Quản lý Tài Khoản
- và Thanh Toán ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Ngân hàng TMCP An Bình.
- d. Đài lý Quản lý Tài Khoản và Thanh Toán:

Ngân hàng TMCP An Bình được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn là Đại lý Quản lý Tài sản bảo đảm của đợt phát hành Trái phiếu, đại diện cho và nhân danh tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp đồng Quản lý Tài sản bảo đảm ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Ngân hàng TMCP An Bình.

### 11. Mua lại trước hạn của Tổ Chức Phát Hành

Tại bất kỳ thời điểm nào sau thời gian đủ 12 tháng kể từ Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại Trái phiếu phát hành trước khi Trái phiếu đáo hạn vào bất kỳ Ngày Mua Lại nào theo Giá Mua Lại với các điều kiện sau:

- a. Tổ Chức Phát Hành gửi văn bản cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc khi thực hiện Quyền mua lại Trái phiếu nói trên. Tổ Chức Phát Hành có quyền quyết định mua lại một phần hay toàn bộ khối lượng Trái phiếu từ Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- b. “Ngày Mua Lại” là ngày Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái phiếu trước hạn. Ngày Mua Lại được quy định tại văn bản gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- c. “Giá Mua Lại” được xác định bằng Giá mua lại mỗi Trái phiếu nhân với số lượng trái phiếu mua lại. Giá mua lại mỗi Trái phiếu được xác định bằng mệnh giá mỗi Trái phiếu cộng lãi dồn tích của trái phiếu đó chưa được thanh toán đến Ngày mua lại.

$$\text{Giá mua lại mỗi trái phiếu} = \text{Mệnh giá Trái Phiếu yêu cầu mua lại} + \text{Mệnh giá Trái Phiếu yêu cầu mua lại} \times \frac{\text{Lãi suất Trái Phiếu}}{365} \times \text{Số ngày năm giữ thực tế}$$

- d. Tất cả Trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo Điều kiện nêu trên sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại. Các Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu liên quan tới các Trái phiếu sẽ tự động hết hiệu lực.

### 12. Mua lại Trái phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Tại các thời điểm mua lại theo từng đợt nêu dưới đây, Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ phải mua lại Trái Phiếu nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu theo Giá Mua Lại với các điều kiện sau:

- a. Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi văn bản cho Tổ Chức Phát Hành trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc khi thực hiện Quyền yêu cầu mua lại Trái phiếu nói trên. Tổng mệnh giá Trái phiếu tối đa mà Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại trong một đợt không vượt quá khối lượng dưới đây trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu:

Đợt mua lại	Ngày mua lại	Khối lượng Trái phiếu mua lại tối đa theo mệnh giá
Đợt 1	Tròn 06 tháng kể từ Ngày Phát Hành	2.100.000.000 VNĐ
Đợt 2	Tròn 12 tháng kể từ Ngày Phát Hành	2.100.000.000 VNĐ
Đợt 3	Tròn 18 tháng kể từ Ngày Phát Hành	2.100.000.000 VNĐ
Đợt 4	Tròn 24 tháng kể từ Ngày Phát Hành	2.100.000.000 VNĐ

Đợt mua lại	Ngày mua lại	Khối lượng Trái phiếu mua lại tối đa theo mệnh giá
Đợt 5	Tròn 30 tháng kể từ Ngày Phát Hành	3.200.000.000 VNĐ
Đợt 6	Tròn 36 tháng kể từ Ngày Phát Hành	3.200.000.000 VNĐ
Đợt 7	Tròn 42 tháng kể từ Ngày Phát Hành	4.500.000.000 VNĐ
Đợt 8	Tròn 48 tháng kể từ Ngày Phát Hành	4.500.000.000 VNĐ
Đợt 9	Tròn 54 tháng kể từ Ngày Phát Hành	5.000.000.000 VNĐ
Đợt 10	Tròn 60 tháng kể từ Ngày Phát Hành	5.000.000.000 VNĐ
Đợt 11	Tròn 66 tháng kể từ Ngày Phát Hành	4.500.000.000 VNĐ
Đợt 12	Tròn 72 tháng kể từ Ngày Phát Hành	4.500.000.000 VNĐ
Đợt 13	Tròn 78 tháng kể từ Ngày Phát Hành	6.000.000.000 VNĐ
Đợt 14	Tròn 84 tháng kể từ Ngày Phát Hành	6.000.000.000 VNĐ
Đợt 15	Tròn 90 tháng kể từ Ngày Phát Hành	5.200.000.000 VNĐ

b. “Ngày Mua Lại” là ngày Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái phiếu trước hạn. Ngày Mua Lại được quy định tại văn bản mà Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho Tổ Chức Phát Hành nhưng phải tuân thủ các quy định về Ngày Mua Lại tại Bản Công bố Thông tin này;

c. Trường hợp trong một đợt thực hiện mua lại có một hoặc nhiều Người Sở hữu Trái phiếu cùng thực hiện Quyền yêu cầu mua lại Trái Phiếu thì Tổ chức Phát hành sẽ thực hiện việc mua lại theo một trong hai cách thức như sau: (1) mua lại Trái phiếu cho một (trường hợp chỉ có một Người Sở hữu Trái phiếu yêu cầu mua lại) hoặc mua lại Trái phiếu cho tất cả Người Sở hữu Trái phiếu theo số lượng mà họ yêu cầu; hoặc (2) mua lại theo tỷ lệ tương ứng tỷ lệ nắm giữ của từng Người Sở hữu Trái phiếu trên tổng khối lượng Trái phiếu đang nắm giữ tại thời điểm mua lại của tất cả Người Sở hữu Trái phiếu yêu cầu mua lại trong cùng một đợt (trong trường hợp này số lượng trái phiếu mua lại đối với từng Người Sở hữu Trái phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần trái phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ không được Tổ Chức Phát Hành mua lại). Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định thực hiện một trong các cách thức mua lại nêu trên trong từng trường hợp cụ thể, tùy cách thức nào đạt nhiều nhất số lượng Trái phiếu Người Sở hữu Trái phiếu được mua lại so với số lượng mà họ yêu cầu và thỏa mãn toàn bộ các điều kiện sau đây: (1) đảm bảo sự công bằng giữa những Người Sở hữu Trái phiếu trong trường hợp có nhiều Người Sở hữu Trái phiếu thực hiện quyền trong cùng một đợt; và (2) Tổng mệnh giá Trái phiếu tối đa mà Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại trong một đợt không vượt quá khối lượng quy định tại điểm a nêu trên.

Ví dụ 1:

Tổng khối lượng Trái phiếu đã phát hành là 600 Trái phiếu. Ông Nguyễn Văn A sở hữu 400 Trái phiếu, ông Nguyễn Văn B sở hữu 200 Trái phiếu.

Tại thời điểm tròn 24 tháng kể từ Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát hành sẽ thực hiện mua lại tối đa 160 Trái phiếu. Tại thời điểm kết thúc nhận yêu cầu thực hiện quyền của đợt mua lại này, Tổ chức Lưu ký nhận được các yêu cầu mua lại như sau:

- Ông Nguyễn Văn A: 50 Trái phiếu.
- Ông Nguyễn Văn B: 40 Trái phiếu.

Khối lượng mà Tổ Chức Phát hành sẽ thực hiện mua lại trong đợt mua lại này được phân bổ như sau:

- Ông Nguyễn Văn A: 50 Trái phiếu.
- Ông Nguyễn Văn B: 40 Trái phiếu.

Ví dụ 2:

Tổng khối lượng Trái phiếu đã phát hành là 600 Trái phiếu. Ông Nguyễn Văn A sở hữu 400 Trái phiếu, ông Nguyễn Văn B sở hữu 200 Trái phiếu.

Tại thời điểm tròn 24 tháng kể từ Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát hành sẽ thực hiện mua lại tối đa 160 Trái phiếu. Tại thời điểm kết thúc nhận yêu cầu thực hiện quyền của đợt mua lại này, Tổ chức Lưu ký nhận được các yêu cầu mua lại như sau:

- Ông Nguyễn Văn A: 150 Trái phiếu.
- Ông Nguyễn Văn B: 50 Trái phiếu.

Khối lượng mà Tổ Chức Phát hành sẽ thực hiện mua lại trong đợt mua lại này được phân bổ như sau:

- Ông Nguyễn Văn A:

$$\frac{400}{(400 + 200)} \times 160 = 106,67$$

Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số Trái phiếu thực tế ông Nguyễn Văn A được mua lại theo phương thức phân bổ tỷ lệ là 106 Trái phiếu.

- Ông Nguyễn Văn B:

$$\frac{200}{(400 + 200)} \times 160 = 53,33$$

Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số Trái phiếu thực tế ông Nguyễn Văn B được mua lại theo phương thức phân bổ tỷ lệ là 53 Trái phiếu.

Ví dụ 3:

Tổng khối lượng Trái phiếu đã phát hành là 600 Trái phiếu. Ông Nguyễn Văn A sở hữu 40 Trái phiếu, ông Nguyễn Văn B sở hữu 20 Trái phiếu.

Tại thời điểm tròn 24 tháng kể từ Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát hành sẽ thực hiện mua lại tối đa 160 Trái phiếu. Tại thời điểm kết thúc nhận yêu cầu thực hiện quyền của đợt mua lại này, Tổ chức Lưu ký nhận được các yêu cầu mua lại như sau:

- Ông Nguyễn Văn A: 80 Trái phiếu.
- Ông Nguyễn Văn B: 100 Trái phiếu.

Khối lượng mà Tổ Chức Phát hành sẽ thực hiện mua lại trong đợt mua lại này được phân bổ như sau:

- Ông Nguyễn Văn A:

$$\frac{400}{(400 + 200)} \times 160 = 106,67$$

Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số Trái phiếu ông Nguyễn Văn A được mua lại theo phương thức phân bổ tỷ lệ là 106 Trái phiếu. Do ông Nguyễn Văn A chỉ đề nghị mua lại 80 Trái phiếu nên Tổ Chức Phát hành sẽ chỉ thực hiện mua lại 80 Trái phiếu từ ông Nguyễn Văn A.

- Ông Nguyễn Văn B:

$$\frac{200}{(400 + 200)} \times 160 = 53,33$$

Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số Trái phiếu thực tế ông Nguyễn Văn B được mua lại theo phương thức phân bổ tỷ lệ là 53 Trái phiếu. Do khối lượng đề nghị mua lại của những Người Sở Hữu Trái Phiếu khác trong cùng đợt mua lại này tổng cộng là 80 Trái phiếu nên khối lượng mà ông Nguyễn Văn B được mua lại là 80 Trái phiếu.

d. Giá mua lại được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá mua lại} = \frac{\text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu yêu cầu mua lại} + \text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu yêu cầu mua lại} \times \text{Lãi suất Trái Phiếu}}{\text{Số ngày năm giữ thực tế}} \times \frac{365}{\text{Số ngày năm giữ thực tế}}$$

Trong đó:

- Số ngày năm giữ thực tế (i) đối với lần mua lại đầu tiên sẽ được tính từ và bao gồm Ngày Phát Hành đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại đầu tiên và (ii) đối với lần mua lại tiếp theo sẽ được tính từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của lần thanh toán lãi ngay trước đó đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại của lần tiếp theo.

Nếu Ngày Mua Lại không phải là Ngày Làm Việc thì việc thanh toán sẽ được thực hiện vào Ngày Làm Việc tiếp theo. Trong trường hợp này, số ngày nắm giữ thực tế sẽ tính đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế.

e. Tất cả Trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo Điều kiện nêu trên sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại. Các Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu liên quan tới các Trái phiếu sẽ tự động hết hiệu lực.

### **13. Cam kết của Tổ Chức Phát Hành**

- Đảm bảo việc sử dụng tiền thu từ phát hành Trái Phiếu theo đúng mục đích đã nêu trong Bản Công Bố Thông Tin;

- Đảm bảo thực hiện đúng phương án trả nợ gốc và lãi Trái phiếu;

- Tuân thủ việc mua lại Trái phiếu trước hạn theo quy định tại Điều kiện, điều khoản Trái phiếu;

- Sử dụng toàn bộ các nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh và các khoản tiền khác (nếu có) để thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền lãi và tiền gốc Trái phiếu khi đến hạn hoặc thanh toán cho việc mua lại Trái phiếu trước hạn và thanh toán cho các nghĩa vụ khác của Tổ chức Phát hành đối với và liên quan đến Trái phiếu;

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật về phát hành Trái phiếu riêng lẻ và pháp luật chứng khoán.

### **14. Cam kết của Nhà Đầu tư**

- Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái phiếu, hạn chế về giao dịch Trái phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn vốn dùng để mua Trái phiếu;

- Cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để mua Trái phiếu theo quy định của pháp luật.

### **15. Các điều khoản và điều kiện khác**

#### **15.1 Lưu ký Trái phiếu**

Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc sau khi kết thúc đợt phát hành, Tổ chức Phát hành sẽ đăng ký, lưu ký Trái phiếu tại Đại lý Lưu ký.

#### **15.2. Quyền Sở Hữu**

a. Đại lý Lưu ký duy trì Sổ Đăng ký, ghi danh sách, thông tin của những Người Sở hữu Trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau:

i. Họ tên, số chứng minh nhân dân/hộ chiếu/căn cước công dân, ngày cấp và nơi cấp (nếu là cá nhân) hoặc tên tổ chức, Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép thành lập và



hoạt động/Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Quyết định thành lập, ngày cấp và nơi cấp (nếu là tổ chức) và địa chỉ của Người Sở hữu Trái phiếu;

- ii. Số lượng Trái phiếu do từng Người Sở hữu Trái phiếu nắm giữ;
- iii. Chi tiết về tài khoản của Người Sở hữu Trái phiếu để nhận các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái phiếu.

b. Mỗi Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu sẽ được Tổ chức Phát hành cấp cho Người Sở hữu Trái phiếu khi đăng ký sở hữu Trái phiếu. Mỗi Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu sẽ được đánh số riêng biệt với số nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng ký, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau:

- i. Họ tên, số chứng minh nhân dân/hộ chiếu/căn cước công dân, ngày cấp và nơi cấp (nếu là cá nhân) hoặc tên tổ chức, Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép thành lập và hoạt động/Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Quyết định thành lập, ngày cấp và nơi cấp (nếu là tổ chức) và địa chỉ của Người Sở hữu Trái phiếu
- ii. Tổng số Trái phiếu và tổng giá trị Trái phiếu do từng Trái chủ nắm giữ;
- iii. Kỳ hạn Trái phiếu;
- iv. Ngày Phát hành và Đáo hạn của Trái phiếu;
- v. Lãi suất Trái phiếu và phương thức trả lãi Trái phiếu;
- vi. Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và con dấu của Công ty; và
- vii. Các quy định khác liên quan đến Trái phiếu.

c. Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu sẽ mặc nhiên hết hiệu lực vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại.

### **15.3. Cấp lại Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu**

Nếu Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, bị nhòe hoặc hủy hoại thì Giấy Chứng nhận Quyền sở hữu Trái phiếu đó có thể được cấp lại tại văn phòng được chỉ định của Đại lý Lưu ký, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, sau khi người yêu cầu cấp lại Trái phiếu đã thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp lại Trái phiếu và người yêu cầu cấp lại phải cung cấp chứng cứ mà Đại lý Lưu ký có thể yêu cầu một cách hợp lý. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người yêu cầu cấp lại Trái phiếu đã thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp lại Trái phiếu, và Tổ chức Phát hành đã tiếp nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Tổ chức Phát hành có nghĩa vụ cấp lại Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu cho người yêu cầu. Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu bị rách hoặc bị nhòe phải được nộp lại trước khi được cấp lại.

#### 15.4. Chuyển nhượng, thừa kế, cho, tặng Trái Phiếu

Trái phiếu bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

Việc chuyển nhượng Trái phiếu sẽ có hiệu lực sau khi Đại lý Lưu ký ghi sổ việc chuyển nhượng đó và thực hiện việc sửa đổi nội dung thích hợp trong Sổ Đăng ký để phản ánh việc chuyển nhượng. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Đại lý Lưu ký và sẽ cấp Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu cho bên nhận chuyển nhượng. Trong trường hợp chuyển nhượng một số Trái phiếu ít hơn số Trái phiếu đã ghi trong Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu của bên chuyển nhượng, thì ngoài Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu cho bên nhận chuyển nhượng, Đại lý Lưu ký sẽ cấp Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu mới cho bên chuyển nhượng, xác nhận số Trái phiếu còn lại của bên chuyển nhượng, và có giá trị thay thế Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu trước đó của bên nhận chuyển nhượng.

Đại lý Lưu ký có quyền quy định, sửa đổi và bổ sung thủ tục, hồ sơ chuyển nhượng, chuyển quyền sở hữu Trái phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam. Chi phí chuyển nhượng sẽ do Đại lý Lưu ký ấn định phù hợp với Quy định của Pháp luật và thực tiễn thị trường.

#### 15.5. Sự Kiện Vi Phạm

Nếu bất cứ sự kiện nào sau đây xảy ra và tiếp diễn:

- (a) *Không Thanh toán*: Nếu Tổ chức Phát hành không thanh toán tiền gốc và/hoặc tiền lãi Trái phiếu vào ngày đến hạn thanh toán; hoặc
- (b) *Vi phạm các Nghĩa vụ Khác*: Tổ chức Phát hành vi phạm, không thực hiện hoặc không tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ nào khác của mình liên quan đến Trái phiếu mà vi phạm đó không được khắc phục hoặc không thể khắc phục trong thời hạn 03 (ba) ngày sau khi Người Sở hữu Trái phiếu và/ hoặc các bên liên quan, gửi thông báo về vi phạm đó cho Tổ chức Phát hành. Các nghĩa vụ được nêu trong điều khoản này bao gồm cả việc Tổ chức Phát hành vi phạm việc thực hiện hoặc tuân thủ hay tuân theo bất kỳ nghĩa vụ nào của mình trong các Hợp đồng Đại lý Lưu ký, hoặc các nghĩa vụ khác được quy định trong các Điều khoản và Điều kiện của Trái phiếu; hoặc
- (c) *Vi phạm Nghĩa vụ đối với Bên Thứ ba*: Bất kỳ Khoản nợ nào có tổng giá trị tiền gốc vượt quá 60.000.000.0000 VNĐ (hoặc một khoản tiền tương đương bằng loại tiền tệ khác) của Tổ chức Phát hành hoặc bất kỳ Công ty Thành viên nào sẽ có khả năng bị

tuyên bố hay trở thành phải trả trước hạn sau khi xảy ra một sự kiện vi phạm (bằng bất kỳ hình thức nào) hoặc khi xử lý tài sản bảo đảm liên quan đến vi phạm đó với điều kiện là bên thứ ba phải cung cấp được các bằng chứng hợp lý về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán đó, hoặc Tổ chức Phát hành hoặc bất cứ Công ty Thành viên nào của Tổ chức Phát hành vi phạm việc hoàn trả Khoản nợ đó khi đến hạn (hoặc khi kết thúc thời gian ân hạn của Khoản nợ đó, nếu có) hoặc nếu Khoản nợ đó không được thanh toán khi đến hạn và được yêu cầu thanh toán, hoặc bất kỳ bảo lãnh hoặc yêu cầu bồi hoàn nào mà Tổ chức Phát hành hoặc bất kỳ Công ty Thành viên chính nào của Tổ chức Phát hành cấp liên quan đến Khoản nợ của bất kỳ người nào không được thanh toán khi đến hạn và khi được yêu cầu thanh toán; hoặc

- (d) *Mất Khả năng Thanh toán*: Tổ chức Phát hành hoặc bất cứ Công ty Thành viên nào của Tổ chức Phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không thể thanh toán, hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ đến hạn hoặc bị áp dụng hoặc chấp nhận hoặc buộc phải chỉ định người quản lý, người thanh lý tài sản, hoặc người quản lý tài sản của Tổ chức Phát hành hoặc bất cứ Công ty Thành viên nào của Tổ chức Phát hành hoặc toàn bộ hay bất kỳ phần hoạt động kinh doanh, bất động sản, tài sản hoặc doanh thu của Tổ chức Phát hành hoặc bất cứ Công ty Thành viên nào của Tổ chức Phát hành, hoặc tiến hành bất cứ thủ tục nào theo luật để điều chỉnh hoặc trì hoãn việc thanh toán các khoản nợ của mình hoặc một phần khoản nợ, hoặc thực hiện hay ký kết bất cứ cam kết chuyển nhượng hoặc thoả thuận chung nào hoặc hợp nhất với hoặc vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ nợ; hoặc
- (e) *Phá sản, giải thể*: Nếu có lệnh hoặc một nghị quyết được thông qua về việc phá sản, thanh lý hoặc giải thể đối với Tổ chức Phát hành hoặc bất kỳ Công ty Thành viên nào của Tổ chức Phát hành, hoặc khi Tổ chức Phát hành hoặc bất kỳ Công ty Thành viên nào của Tổ chức Phát hành đã tiến hành bất cứ thủ tục phá sản, thanh lý hay giải thể; hoặc
- (f) *Buộc Phải Thực Hiện Nghĩa Vụ*: việc thi hành án, tịch thu, tịch biên hoặc bất cứ thủ tục pháp lý nào khác được áp dụng hoặc buộc phải thi hành liên quan đến phần lớn tài sản hoặc doanh thu của Tổ chức Phát hành hoặc Công ty Thành viên của Tổ chức Phát hành hoặc bất kỳ người nào có lợi ích được bảo đảm chiếm hữu hoặc tịch thu tài sản bảo đảm đó, trừ khi việc tịch thu, tịch biên, thi hành án hoặc thủ tục tố tụng khác được thực hiện trên tinh thần thiện chí hoặc đình chỉ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày các biện pháp này được thực hiện hoặc buộc phải thi hành; hoặc

- (g) *Ngừng Hoạt động Kinh doanh*: Tổ chức Phát hành tạm ngừng hoặc có nguy cơ tạm ngừng toàn bộ hoặc phần lớn hoạt động của mình hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thực hiện tất cả hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh như được tiến hành vào Ngày Phát hành Trái phiếu; hoặc
- (h) *Tình trạng pháp lý của Tổ chức Phát hành*: nếu Tổ chức Phát hành vì bất cứ lý do gì ngừng hoạt động và không còn tồn tại, hoặc bất cứ hành động hoặc thủ tục nào được Tổ chức Phát hành hoặc bất kỳ người nào khác thực hiện hoặc tiến hành dẫn tới việc Tổ chức Phát hành ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của mình hoặc bị giải thể, sáp nhập hoặc hợp nhất hoặc việc thành lập bị huỷ bỏ hoặc bãi bỏ hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thanh toán, hoặc không có khả năng thanh toán hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán các khoản nợ (hoặc bất kỳ khoản nợ nào) khi đến hạn, hoặc được xem là không có khả năng trả nợ theo bất kỳ luật áp dụng nào, hoặc bị tuyên bố phá sản hay mất khả năng thanh toán; hoặc
- (i) *Kiện tụng liên quan đến Tổ chức Phát hành*: nếu (i) có các vụ kiện nào chống lại Tổ chức Phát hành theo bất kỳ luật hiện hành nào về việc thanh lý, mất khả năng thanh toán, tổ chức lại doanh nghiệp hoặc bất kỳ luật nào khác có liên quan hoặc khi có đơn yêu cầu (hoặc văn bản được gửi cho toà án) về việc bổ nhiệm một người quản lý tài sản hoặc, một người quản lý, một người tiếp quản hoặc các chức danh tương tự liên quan đến Tổ chức Phát hành hoặc liên quan đến toàn bộ hay bất kỳ phần nào của công việc kinh doanh, tài sản của Tổ chức Phát hành, tùy từng trường hợp, hoặc người thực hiện biện pháp bảo đảm chiếm hữu toàn bộ hoặc một phần công việc kinh doanh hoặc tài sản, hoặc khi bị áp đặt, buộc phải thực hiện, bị yêu cầu phải thực hiện việc tịch biên, thực thi, tịch thu, tịch thu tạm thời hoặc các biện pháp khác đối với toàn bộ hoặc bất kỳ công việc kinh doanh hoặc tài sản của Tổ chức Phát hành, và (ii) trong bất kỳ trường hợp nào nói trên (ngoài việc chỉ định một người quản lý tài sản) trừ khi việc chỉ định nói trên do công ty có liên quan thực hiện, mà không chấm dứt trong thời hạn 60 ngày; hoặc
- (j) *Bất hợp pháp*: bất cứ thời điểm nào mà việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Tổ chức Phát hành theo các Điều kiện này trở nên bất hợp pháp đối với Người Sở hữu Trái phiếu thì bất kỳ Người Sở hữu Trái phiếu nào có thể gửi thông báo bằng văn bản tới Tổ chức Phát hành, tuyên bố ngay Trái phiếu đến hạn phải thanh toán và phải thanh toán ngay tại thời điểm đó toàn bộ khoản tiền gốc và tiền lãi cộng dồn, mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác, trừ khi sự kiện vi phạm được khắc phục trước

khi Tổ chức Phát hành nhận được thông báo đó hoặc các bên sau đó có thỏa thuận bằng văn bản khác.

Trong Điều kiện này, “**Khoản Nợ**” nghĩa là bất cứ khoản tiền nợ nào liên quan tới:

- i. các khoản tiền vay;
- ii. bất kỳ giấy nợ, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, hối phiếu nhận nợ, hoặc các chứng khoán khác;
- iii. bất kỳ chấp nhận thanh toán nào;
- iv. các khoản phải thu được bán hoặc chiết khấu (ngoại trừ các khoản phải thu miễn truy đòi);
- v. chi phí mua tài sản (trong trường hợp chi phí đó được thanh toán trước hoặc sau thời điểm bên có nghĩa vụ thanh toán tiếp nhận hoặc chiếm hữu tài sản đó) được tài trợ thông qua việc cho vay vốn hay cho trả chậm để mua tài sản đó;
- vi. bất cứ hợp đồng thuê nào được ký kết chủ yếu theo cách thức nhằm huy động vốn hoặc cấp vốn để mua tài sản cho thuê đó;
- vii. bất kỳ giao dịch hoán đổi tiền tệ, hoán đổi lãi suất nào, theo mức trần hoặc sàn hoặc bất kỳ giao dịch phái sinh nào khác được ký kết nhằm mục đích bảo vệ không bị ảnh hưởng hoặc được hưởng lợi từ biến động lãi suất hoặc giá (và trong trường hợp phải thanh toán một khoản tiền, sẽ áp dụng giá thị trường tại thời điểm của giao dịch phái sinh để tính khoản tiền đó);
- viii. bất kỳ khoản tiền nào được huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có tính chất thương mại là vay tiền hay huy động vốn;
- ix. bất kỳ nghĩa vụ bồi hoàn đối ứng đối với một bảo lãnh, bồi hoàn, trái phiếu; thư tín dụng chứng từ hoặc bất cứ công cụ nào khác do một ngân hàng hoặc một định chế tài chính cấp; hoặc
- x. bất cứ bảo lãnh, bồi hoàn hoặc các biện pháp bảo đảm tương tự nào để nhận nợ tài chính đối với bất kỳ người nào theo bất kỳ mục nào được nêu tại các đoạn ở trên.

#### **15.6. Thông báo**

Các thông báo gửi cho Người Sở hữu Trái Phiếu sẽ được gửi theo địa chỉ tương ứng của người đó ghi trong Sổ Đăng ký. Thông báo đó được xem là đã được gửi vào Ngày Làm việc thứ tư tại Việt Nam, kể từ ngày gửi.

Thông báo gửi cho Tổ chức Phát hành sẽ được gửi tới trụ sở chính của Tổ chức Phát hành, người nhận là Tổng Giám đốc.

#### **15.7. Thay đổi và miễn trừ**

Đại lý Lưu ký, Đại lý Thanh toán, và Tổ chức Phát hành có thể:

- (i) Tiến hành bất kỳ sự sửa đổi nào đối với bất kỳ các điều khoản nào trong Hợp đồng Đại lý Lưu ký và/ hoặc các điều khoản tương ứng trong Các Điều khoản và Điều kiện này, để (i) nhằm làm rõ các vấn đề mơ hồ hoặc làm rõ, điều chỉnh hoặc bổ sung bất kỳ lỗi rõ ràng hoặc hiển nhiên hoặc bất kỳ các điều khoản khác được quy định trong Hợp đồng Đại lý Lưu ký và/ hoặc các điều khoản tương ứng trong Các Điều khoản và Điều kiện này; hoặc (ii) theo bất kỳ cách nào mà không ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Người Sở hữu Trái phiếu; hoặc
- (ii) Tiến hành bất kỳ sửa đổi nào đối với Giấy Chứng nhận Quyền Sở hữu Trái phiếu về hình thức, lỗi nhỏ hoặc lỗi kỹ thuật, hoặc là để sửa lỗi sai sót rõ ràng hoặc để tuân thủ theo các quy định bắt buộc của pháp luật Việt Nam.  
Sửa đổi nói trên và bất kỳ sửa đổi nào đều phải thông báo cho Người Sở hữu Trái phiếu trong thời gian nhanh nhất có thể.

#### **15.8. Các đợt phát hành khác**

Tổ chức Phát hành có thể, tùy từng thời điểm và không cần phải có sự chấp thuận của Người Sở hữu Trái phiếu, đưa ra và phát hành thêm các chứng khoán khác có cùng hoặc không cùng các điều khoản và điều kiện như Trái phiếu, về tất cả các phương diện.

#### **15.9. Luật Điều chỉnh**

Các Điều khoản và Điều kiện của Trái phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật pháp Việt Nam.

#### **15.10. Miễn trừ**

Trong trường hợp Tổ chức Phát hành được quyền miễn trừ về tố tụng, thẩm quyền xét xử của bất cứ tòa án nào, hoặc bất cứ thủ tục pháp lý nào liên quan tới Tổ chức Phát hành, thì Tổ chức Phát hành từ bỏ quyền miễn trừ đó đối với hoặc liên quan đến Trái phiếu.

#### **15.11. Thuế**

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái phiếu sẽ được Tổ chức Phát hành thực hiện sau khi khấu trừ bất kỳ các loại thuế, phí, phí thẩm định hoặc bất cứ loại lệ phí nhà nước nào (“Thuế”) do bất kỳ bộ, ban, ngành, cơ quan có thẩm quyền, hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế, tại bất kỳ thời điểm nào, và trong bất kỳ trường hợp nào. Tất cả các Trái chủ đồng ý và không phản đối việc Tổ chức Phát hành khấu trừ Thuế, cho các mục đích nêu trên, phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam.

##### ***Các loại thuế liên quan***

*Phần này trình bày về các loại thuế liên quan, dựa trên quy định của Pháp luật Việt Nam, có hiệu lực tại ngày phát hành Bản Công bố Thông tin này. Các nội dung trong phần*

này sẽ bị thay đổi khi có bất kỳ thay đổi nào của Pháp luật Việt Nam được ban hành sau ngày phát hành Bản Công bố Thông tin. Tuy nhiên, Tổ chức Phát hành không có nghĩa vụ phải sửa đổi, bổ sung hay cập nhật các nội dung trong phần này, khi có bất kỳ thay đổi nào của Pháp luật Việt Nam được ban hành sau ngày phát hành Bản Công bố Thông tin, và Nhà Đầu tư phải tự mình cập nhật, tìm hiểu, và có các ứng xử cần thiết.

Những nội dung tóm tắt dưới đây chỉ phản ánh hiểu biết của riêng Tổ chức Phát hành, không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái phiếu và cũng như không nhằm mục đích để giải quyết tất cả các vấn đề về thuế đối với bất kỳ hay tất cả các Nhà Đầu tư, và các bên liên quan, dưới bất kỳ phương diện nào, trong bất kỳ trường hợp cụ thể nào, tại bất kỳ thời điểm nào.

Một số Nhà Đầu tư và các bên liên quan có thể phải tuân thủ và thực hiện theo các quy định riêng của Pháp luật Việt Nam áp dụng đối với lĩnh vực, ngành nghề mà họ đăng ký hoạt động.

#### ❖ **Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp**

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Thuế thu nhập Doanh nghiệp được áp dụng đối với mọi tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, có thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, lãi từ Trái phiếu và các thu nhập từ chuyển nhượng Trái phiếu, được coi là là khoản thu nhập chịu thuế với thuế suất là 20% (hai mươi phần trăm).

Các Nhà Đầu tư trong nước (không phải nước ngoài), là tổ chức, sẽ thực hiện việc kê khai, đăng ký, trích nộp và quyết toán thuế cho toàn bộ thu nhập chịu thuế của mình (bao gồm cả thu nhập từ lãi Trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái phiếu) theo các quy định của Pháp luật Việt Nam.

#### ❖ **Thuế Thu Nhập Cá Nhân**

Nhà Đầu tư, cá nhân nắm giữ Trái phiếu phải nộp thuế Thu nhập Cá nhân phát sinh trên tiền lãi Trái phiếu và Thuế thu nhập Cá nhân khi chuyển nhượng Trái phiếu theo quy định hiện hành.

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập Cá nhân, lãi từ Trái phiếu được coi là khoản thu nhập từ đầu tư vốn và phải chịu thuế với thuế suất là 5% (năm phần trăm).

Các khoản thu nhập từ chuyển nhượng Trái phiếu được coi là khoản thu nhập chịu thuế với thuế suất là 0,1% (không phải một phần trăm) tính trên Giá chuyển nhượng Trái

phiếu từng lần. Trong đó, Giá chuyển nhượng Trái phiếu là số tiền Cá nhân được nhận theo Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu.

❖ **Thuế Giá Trị Gia Tăng**

Theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng, hoạt động chuyển nhượng Trái phiếu và lãi Trái phiếu không là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

**IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH**

**1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu**

Toàn bộ nguồn vốn thu được từ việc phát hành Trái phiếu dự kiến sẽ được Công ty sử dụng cho các mục đích sau đây:

**Bảng 15: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành**

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)	% trên tổng giá trị phát hành
1	Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Chí Lư	60.000.000.000	100%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: FDI)

Tổ Chức Phát Hành cam kết sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu cho mục đích nêu trên phù hợp với các quy định của Pháp luật Việt Nam.

**2. Thông tin về Dự án**

**2.1. Tổng quan về Dự án**

**a. Thông tin chung về dự án**

- Tên dự án : **CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN CHÍ LƯ**
- Vị trí : Xã Phình Hồ, xã Làng Nhi, xã Tà Xi Láng, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái
- Chủ đầu tư: : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Yên Bái
- Diện tích đất sử dụng : 29,03 ha, bao gồm: Khu nhà máy, tháp điều áp, khu lòng hồ, khu đầu mối và các công trình phụ trợ khác.
- Tổng vốn đầu tư : 568.748,8 triệu đồng
- Mục tiêu, phạm vi hoạt động và quy mô của Dự án : Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện để sản xuất, kinh doanh điện, phát điện lên lưới điện quốc gia; tạo việc làm và thu nhập cho người lao động trong doanh nghiệp; đóng



góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Quy mô dự án : Công suất thiết kế 15 MW, điện lượng trung bình năm E0 = 51,413 triệu KWh.
- Tiến độ : Dự kiến hoàn thành vào quý II/2021

**b. Căn cứ pháp lý**

STT	Tên văn bản
1	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 7.
2	Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 7 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
3	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8
4	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội khóa XIII.
5	Luật đất đai 2013 số 45/2013/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2013;
6	Luật Đất Môi trường 2014 số 55/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2013;
7	Luật Tài nguyên nước 2012 số 17/2012/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012;
8	Luật Điện lực 2004 số 28/2004/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 03 tháng 12 năm 2004;
9	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2012;
10	Nghị định số 68/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 8 năm 2015 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
11	Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 6 năm 2015 về Quản lý đầu tư xây dựng
12	Nghị định số 37/2015/N-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
13	Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
14	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
15	Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
16	Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
17	Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 của Bộ Công Thương quy định về

STT	Tên văn bản
	quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện.
18	Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng “Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng”;
19	Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017 của Bộ Xây dựng về việc Công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.
20	Quyết định số 30/2006/QĐ/BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 31/8/2006 về việc ban hành quy định về Quản lý đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập.
21	Quyết định số 3836/QĐ-BCN ngày 22/11/2005 của Bộ Công nghiệp về việc ban hành đơn giá Quy hoạch phát triển nguồn thủy điện.
22	Quyết định chủ trương đầu tư số 2149/QĐ-UBND về việc chấp thuận CTCP Đầu tư và Phát triển điện Yên Bái thực hiện dự án đầu tư thủy điện Chí Lư.
23	Quyết định số 1393/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung ghi tại Quyết định chủ trương đầu tư số 2149/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái cấp chủ trương đầu tư và Phát triển điện Yên Bái để thực hiện dự án đầu tư Thủy điện Chí Lư.
24	Công văn số 2952/TCNL-TĐ của Bộ công thương Tổng cục Năng lượng ngày 24/12/2015 về việc điều chỉnh quy hoạch các Dự án thủy điện Đồng Ngải, Chí Lư và Phình Hồ, tỉnh Yên Bái.
25	Công văn số 357/UBND-PKTHT của Ủy ban Nhân dân huyện Trạm Tấu ngày 25/07/2018 về việc xác định các dự án thủy điện Phình Hồ, Đồng Ngải, Chí Lư có thuộc loại công trình miễn giấy phép xây dựng.
26	Quyết định số 336/QĐ-BCT của Bộ công thương ngày 06/02/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn Yên Bái.
27	Quyết định số 3454/QĐ-BCN của Bộ công nghiệp ngày 18/10/2005 về việc phê duyệt Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc.
28	Công văn số 2117/UBND-CN của Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái ngày 21/09/2015 về việc thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các dự án thủy điện Chí Lư, Phình Hồ, Đồng Ngải, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.
29	Các Luật đất đai; Luật bảo vệ và phát triển rừng; và Luật bảo vệ môi trường ; ....

## 2.2. Quy mô công trình

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
<b>I</b>	<b>Đặc trưng thủy văn</b>		
1	Diện tích lưu vực đến tuyến đập chính ( $F_{lvc}$ )	km <sup>2</sup>	63,24
2	Diện tích lưu vực đến tuyến đập phụ ( $F_{lvp}$ )	km <sup>2</sup>	10,0
3	Lượng mưa trung bình nhiều năm ( $X_o$ )	mm	2075
4	Lưu lượng bình quân năm đến đập chính ( $Q_o$ )	m <sup>3</sup> /s	2,90

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
5	Lưu lượng bình quân năm đến đập phụ	m <sup>3</sup> /s	0,46
6	Tổng lượng dòng chảy năm đập chính (W <sub>0</sub> )	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	91,14
7	Tổng lượng dòng chảy năm đập phụ	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	14,50
<b>II</b>	<b>Cấp và vị trí công trình</b>		
<b>II.1</b>	<b>Cấp công trình</b>		<b>II</b>
1	Công trình đầu mối		II
2	Nhà máy thủy điện		III
<b>II.2</b>	<b>Vị trí công trình</b>		Xã Tà Si Láng, Làng Nhi và xã Phình Hồ, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái
1	Tọa độ địa lý đập chính		21°29'05" VDB 104°33'08" KĐĐ
2	Tọa độ địa lý đập phụ		21°30'32" VDB 104°33'57" KĐĐ
3	Tọa độ địa lý nhà máy		21°32'02" VDB 104°34'38" KĐĐ
<b>III</b>	<b>Hồ chứa</b>		
1	Mực nước lũ kiểm tra - MNLKT (P=0,2%)	m	569,91
2	Mực nước lũ thiết kế - MNLTK (P=1,0%)	m	569,05
3	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	565,00
4	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT/F	ha	12,97
5	Mực nước chết (MNC)	m	545,00
6	Dung tích toàn bộ/Wtb	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	2,417
7	Dung tích chết/Wc	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	0,614
8	Dung tích hữu ích/Whi	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	1,803
9	Lưu lượng lũ kiểm tra (P=0,2%)	m <sup>3</sup> /s	1202
10	Lưu lượng lũ thiết kế (P=1,0%)	m <sup>3</sup> /s	898
11	MNDBT/MNC đập phụ	m	595,0/595,0
<b>IV</b>	<b>Thủy năng</b>		
1	Lưu lượng phát điện	m <sup>3</sup> /s	8,28
2	Công suất lắp máy Nlm	MW	15,0
3	Công suất đảm bảo Nđb	MW	1,367
4	Số tổ máy	tổ	2
5	Công suất tổ máy	MW	7,5
6	Loại tua bin	-	Francis
7	Cột nước tính toán, Htt	m	203,51
8	Cột nước trung bình, Htb	m	214,91

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
9	Cột nước lớn nhất, Hmax	m	220,21
10	Cột nước nhỏ nhất, Hmin	m	197,94
11	Mực nước hạ lưu khi phát Nlm	m	341,0
12	Mực nước hạ lưu nhỏ nhất, H <sub>HLmin</sub>	m	340,0
13	Điện lượng bình quân nhiều năm (Eo)	10 <sup>6</sup> kWh	45,171
<b>V</b>	<b>Tiến độ thi công</b>	năm	3
<b>VI</b>	<b>Tuyến áp lực</b>		
1	Đập dâng		
	Kết cấu đập		Bê tông trọng lực
	Cao trình đỉnh đập	m	571,50
	Chiều dài đỉnh đập		40,0
	Hệ số mái hạ lưu		0,75
	Chiều rộng đỉnh đập	m	5,0
	Chiều cao đập lon nhất	m	37,0
2	Đập tràn		
	Hình thức tràn		Tràn tự do
	Kết cấu tràn		Bê tông trọng lực
	Cao trình ngưỡng tràn	m	565,0
	Chiều rộng tràn/mũi phun	m	50,0/44,0
	Cao trình mũi phun	m	540,50
	Chiều cao đập lớn nhất	m	48,5
3	Công xả cát		
	Cao trình ngưỡng vào	m	535,0
	Kích thước nxBxH	mxm	1x4,0x4,0
4	Hầm dẫn dòng		
	Cao trình ngưỡng vào	m	520,0
	Cao trình ngưỡng ra	m	516,0
	Độ dốc hầm	%	2,5
	Kích thước nxBxH	mxm	1x4,0x5,0
5	Ống xả nước bảo vệ môi trường		
	Lưu lượng thiết kế tối thiểu	m <sup>3</sup> /s	0,121
	Cao trình đặt ống	m	541,0

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
	Đường kính ống	mm	200
	Chiều dài ống	m	21,76
<b>VII</b>	<b>Tuyến năng lượng</b>		
<b>1</b>	<b>Công lấy nước</b>		
	Kiểu		tháp
	Cao trình đỉnh	m	570,5
	Cao trình ngưỡng	m	539,5
	Số cửa	cái	1
	Kích thước lưới chắn rác BxH		3,5x4,06
	Kích thước cửa van vận hành BxH	mxm	2,6x2,8
<b>2</b>	<b>Hầm áp lực</b>		
	Chiều dài đường hầm	km	5,746
	Độ dốc đáy hầm		0%, 2%, 6%
	Kích thước hầm có áo B x H	mxm	2,6x2,8
	Kích thước hầm không áo B x H	mxm	3,0x3,0
	Chiều dài ống thép luồn	m	200,32
	Đường kính ống thép luồn	m	1,8
	Chiều dày ống thép luồn	mm	25
<b>3</b>	<b>Giếng đứng</b>		
	Chiều cao giếng	m	123,31
	Đường kính thông thủy	m	2,6
<b>4</b>	<b>Đường ống áp lực chính</b>		
	Chiều dài đường ống	m	25
	Đường kính trong	m	1,8
	Chiều dày thép	mm	25
<b>5</b>	<b>Nhà máy thủy điện</b>		
	Kiểu nhà máy	-	Kiểu hở, trục đứng
	Công suất lắp máy	MW	15,0
	+ Số tổ máy	tổ	02
	+ Loại tua bin	-	Francis
	+ Cao trình lắp máy	m	340,0

**2.4. Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án**

**Bảng 17: Cơ cấu nguồn vốn đầu tư dự kiến Công trình nhà máy Thủy điện Chí Lư**

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Hạng mục	Giá trị	Tỷ lệ
1	Vốn tự có của Công ty	156.099.731	30,00%
2	Vốn huy động từ khách hàng trong thời gian xây dựng	304.232.705	58,47%
3	Vốn huy động từ phát hành Trái phiếu	60.000.000	11,53%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>520.322.435</b>	<b>100%</b>

**V. PHƯƠNG ÁN THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nguồn thanh toán gốc và lãi Trái phiếu**

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu từ doanh thu sản xuất kinh doanh của Nhà máy Thủy điện Hát Lư và hoặc toàn bộ các nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh và các khoản tiền khác (nếu có) để thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền lãi và tiền gốc Trái phiếu khi đến hạn hoặc thanh toán cho việc mua lại Trái phiếu trước hạn và thanh toán cho các nghĩa vụ khác của Tổ Chức Phát Hành đối với và liên quan đến Trái phiếu.

**Bảng 18: Tiến độ doanh thu dự kiến và thanh toán gốc lãi Trái phiếu**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
1	Doanh thu dự kiến của Nhà máy thủy điện Hát Lư	21.580	22.405	23.269	24.174	25.124	26.121	27.167	28.265
2	Gốc và Lãi trái phiếu	10.406	9.948	11.649	13.508	13.547	11.513	13.488	5.471

(Nguồn FDI)

**2. Thứ tự thanh toán**

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, có tài sản bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

### 3. Phương thức thanh toán gốc và lãi Trái phiếu

3.1 Tiền lãi Trái phiếu được thanh toán vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc vào Ngày Mua Lại (lãi trái phiếu được tính bao gồm trong Giá Mua Lại). Nếu các Ngày Thanh Toán Lãi không phải là Ngày làm Việc thì việc thanh toán sẽ được thực hiện vào Ngày Làm Việc tiếp theo. Trong trường hợp này, tiền lãi được tính đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế, với lãi suất được áp dụng cho Kỳ tính lãi của khoản lãi chưa được thanh toán nêu trên.

3.2 Tiền gốc Trái phiếu được thanh toán vào Ngày Đáo Hạn hoặc vào Ngày Mua Lại. Nếu các ngày nêu trên không phải là Ngày Làm Việc thì Ngày Thanh Toán Gốc là Ngày Làm Việc tiếp theo.

3.3 **“Ngày Chốt Danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được thanh toán Lãi, Gốc”**: được xác định là ngày làm việc thứ 10 (mười) trước Ngày Thanh Toán Lãi, gốc và trong ngày chốt danh sách đó Tổ Chức Lưu Ký sẽ không tiếp nhận và xử lý hồ sơ chuyển nhượng, tặng, cho Trái phiếu; Từ Ngày chốt danh sách cho tới Ngày Đáo Hạn, Người Sở hữu Trái phiếu không được mua, bán, chuyển nhượng Trái phiếu và Đại lý Lưu ký không được thực hiện bất kỳ thủ tục liên quan đến việc mua, bán, chuyển nhượng, cho, tặng Trái phiếu;

3.4 Thanh toán lãi và gốc trái phiếu sẽ được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thông tin tại sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu do Đại lý lưu ký cung cấp. Việc thanh toán gốc và lãi Trái phiếu sẽ do Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Thanh Toán thực hiện;

3.5 Nếu vào Ngày Thanh Toán Lãi mà Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền lãi Trái Phiếu đến hạn thì Tổ Chức Phát Hành phải trả lãi nợ quá hạn đối với số tiền chậm trả tính từ Ngày Thanh Toán Lãi đó cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế theo mức bằng lãi suất 150% lãi suất Trái Phiếu của Kỳ Tính Lãi bị chậm trả tương ứng. Nếu khoản tiền lãi của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì khoản tiền lãi Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo mức bằng 150% lãi suất của Kỳ Thanh Toán Lãi tiếp theo sau Kỳ Thanh Toán Lãi đó (và phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật về mức lãi suất của lãi chậm trả) hoặc 150% mức lãi suất của Kỳ Thanh Toán Lãi năm cuối (và phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật về mức lãi suất của lãi chậm trả) nếu số tiền lãi bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán là số tiền lãi Trái Phiếu của Kỳ Thanh Toán Lãi cuối và tính trên số ngày chậm trả thực tế và trên số ngày cơ sở 365 ngày;

3.6 Nếu vào Ngày Thanh Toán tiền gốc Trái phiếu, Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền gốc Trái Phiếu thì Tổ Chức Phát Hành phải trả lãi nợ quá

hạn đối với số tiền chậm trả tính từ Ngày Thanh Toán gốc đó cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế theo mức bằng lãi suất 150% lãi suất Trái Phiếu đang áp dụng trước ngày đến hạn thanh toán.

## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

### 1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN YÊN BÁI**

Địa chỉ : Thôn Hát 2, Xã Hát Lìu, Huyện Trạm Tấu, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam  
Số điện thoại : (84-29) 6500 268  
Số fax : (84-29) 6500 268

### 2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

#### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG – T.D.K**

Địa chỉ : Sàn KT – TM Và DV Khu Nhà ở CBCS CSTT – CA HN, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
Số fax : 024. 44500669  
Số điện thoại : 024. 44500668  
Website : <http://www.thanglongtdk.com.vn/>

### 3. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Địa chỉ : Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội  
Số fax : (84-24) 3562 4626  
Số điện thoại : (84-24) 3562 4628  
Website : [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

### 4. ĐẠI LÝ LƯU KÝ:

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Địa chỉ : Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội  
Số fax : (84-24) 3 5624626  
Số điện thoại : (84-24) 3 5624628  
Website : [www.abs.vn](http://www.abs.vn)



**5. ĐẠI LÝ THANH TOÁN VÀ ĐẠI LÝ QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM:  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH**

Địa chỉ : Số 170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Số fax : (84-28) 3 8244 855  
Số điện thoại : (84-28) 3 8244 673  
Website : [www.abbank.vn](http://www.abbank.vn)

**VII. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

Nhà Đầu tư tiềm năng nên cân nhắc kỹ lưỡng các vấn đề nêu dưới đây và những thông tin khác được cung cấp trong Bản Công Bố Thông Tin này trước khi mua Trái phiếu. Việc một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của Công ty, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán gốc và lãi của Trái phiếu. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà Công ty hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái phiếu.

Trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, Công ty phải chịu nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản là rủi ro về kinh tế vĩ mô, rủi ro pháp lý, rủi ro dịch bệnh đàn vật nuôi, rủi ro về nhân sự, rủi ro cạnh tranh và các rủi ro khác. Mặc dù Công ty tin rằng đã thực hiện các chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, các Nhà Đầu tư cần lưu ý rằng khả năng không thể kiểm soát một cách hợp lý những rủi ro này có thể lớn hơn so với dự tính và có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, triển vọng và danh tiếng của Công ty.

❖ **Rủi ro về kinh tế**

• **Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới**

Theo nhận định của World Bank, tăng trưởng GDP toàn cầu theo giá so sánh dự kiến giảm nhẹ từ 3% năm 2018 xuống 2,9% năm 2019 do tác động của các hoạt động kinh tế bị chững lại, các chính sách ngày càng thắt chặt của các ngân hàng trung ương, thương mại và đầu tư toàn cầu tiếp tục yếu đi trước những căng thẳng gia tăng của chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc.

Tăng trưởng ở các nền kinh tế tiên tiến dự kiến giảm nhẹ từ 2,2% năm 2018 xuống 1,9% năm 2019, và giảm dần xuống mức tiềm năng, còn 1,6% vào năm 2020 khi chạm đến các ngưỡng ràng buộc về năng lực và quá trình bình thường hóa chính sách tiền tệ tiếp tục diễn ra. Tăng trưởng ở các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi giảm nhẹ xuống khoảng 4,2% trong năm 2018 so với 4,3% năm 2017 do một số quốc gia phải chịu áp lực tài

chính, dự kiến chỉ tăng nhẹ lên mức 4,3% năm 2019 và 4,6% năm 2020 khi quá trình phục hồi ở các nước xuất khẩu thương phẩm đã đến ngưỡng đi ngang. Rủi ro đối với triển vọng toàn cầu và khu vực đã tăng lên và nghiêng theo hướng xấu. Xác suất leo thang bảo hộ thương mại tăng lên có thể để lại những âm hưởng và hệ quả rộng khắp theo các chuỗi giá trị toàn cầu. Các điều kiện huy động vốn toàn cầu bị thắt chặt sớm hơn so với dự kiến có thể tiếp tục làm suy giảm lưu chuyển vốn, làm tăng biến động trên thị trường tài chính, gây áp lực lên gánh nặng trả nợ vừa được nói nhẹ trong vài năm qua do lãi suất và phí rủi ro trên toàn cầu còn thấp. Cuối cùng, tình trạng bất ổn toàn cầu tăng lên khi căng thẳng thương mại tái leo thang, sự bất ổn chính trị (chiến tranh khu vực Trung Đông, dòng người nhập cư ở châu Âu...) và tình hình thiên tai càng ngày càng khắc nghiệt (bão ở khu vực Thái Bình Dương, hạn hán khu vực Sahara và châu Úc...) cũng sẽ gây tác động tiêu cực không nhỏ đến bức tranh kinh tế chung của thế giới cũng như dòng vốn đầu tư nước ngoài vào các nước đang phát triển như Việt Nam.

- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Theo phân tích của Ngân hàng thế giới (World Bank), mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện nay đang phải đối mặt những hạn chế cơ cấu ngày càng lớn. Tăng trưởng kinh tế đã trở nên quá phụ thuộc vào tích lũy các yếu tố sản xuất (vốn, tài nguyên và lực lượng lao động kỹ năng thấp), cũng như các biện pháp kích thích kinh tế vĩ mô (các chính sách nới lỏng tài khóa và tín dụng), trong khi đóng góp của tăng trưởng năng suất (tổng năng suất các yếu tố - TFP) đang giảm xuống. Nhận thức được tầm quan trọng, Quốc hội đã thông qua quyết định tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2016-2020, bao gồm tiếp tục cải cách nhằm nâng cao ổn định cho hệ thống ngân hàng và xây dựng các thị trường vốn sâu hơn, cải thiện hiệu suất của khu vực Doanh Nghiệp Nhà nước, tăng cường đầu tư công và tạo thuận lợi cho khu vực tư nhân phát triển năng động hơn và năng suất hơn.

**Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2007-9T2019 (%)**


(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017; tích lũy tài sản tăng 8,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%. Sức cầu trong nước vẫn mạnh, được phản ánh qua đầu tư và tiêu dùng tư nhân tiếp tục đứng vững và được sự tiếp sức bởi mức lương cao hơn, chính sách tiền tệ tạo thuận lợi và dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn đổ vào mạnh mẽ.

Theo nhận định của Trung tâm Thông tin dự báo kinh tế xã hội quốc gia (NCIF, Bộ Kế hoạch và Đầu tư), kinh tế Việt Nam giai đoạn 2019-2020 sẽ duy trì đà tăng trưởng cao, nhưng cũng sẽ đối mặt với nhiều rủi ro trong bối cảnh kinh tế thế giới đang suy giảm. Trong Báo cáo điểm lại do Ngân hàng Thế giới công bố cuối tháng 12/2018, kinh tế Việt Nam năm 2018 tăng trưởng cao hơn con số tăng trưởng của nhóm các nền kinh tế mới nổi ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương. Về trung hạn, tăng trưởng của Việt Nam dự kiến đi theo xu thế toàn cầu, giảm dần xuống mức 6,6% và 6,5% cho các năm 2019 và 2020 chủ yếu do sức cầu bên ngoài yếu đi.

Trong một nền kinh tế mở và hội nhập, rủi ro và sự lan truyền rủi ro là một điều không thể tránh khỏi. Bất cứ thị trường nào, dù phát triển hay không phát triển, mới nổi hay cận biên,... cũng đều chịu sự chi phối của nhân tố này. Về tổng quát, rủi ro này chịu sự chi phối từ chính sự biến động của các thành tố cơ bản trong nền kinh tế: GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, cán cân thương mại,... Nền kinh tế hội nhập không chỉ kéo theo sự lan truyền mà còn khuếch đại tác động mà rủi ro đó mang lại. Tại bất kỳ thời điểm nào, Chính phủ có thể can thiệp vào nền kinh tế Việt Nam và đôi lúc tạo ra những thay đổi quan trọng về chính sách, bao

gồm cả thay đổi cơ chế kiểm soát lương, quản lý vốn và ngoại hối và không loại trừ chính sách đối với hoạt động đầu tư xây dựng dự án, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty có thể bị ảnh hưởng bất lợi từ những thay đổi chính sách đó. Là một cá thể tham gia vào tổng thể hoạt động của nền kinh tế, chắc chắn Công ty cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng trước những thay đổi của các nhân tố nêu trên.

❖ **Rủi ro liên quan đến việc thay đổi chính sách tiền tệ**

Theo NHNN 6 tháng đầu năm 2019 tín dụng tăng 7,33% xấp xỉ mức tăng của năm 2018. Cơ cấu tín dụng vẫn đang chuyển biến tích cực, hỗ trợ đạt được tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm. Trong thời gian tới, NHNN sẽ điều hành tín dụng cho nền kinh tế một cách linh hoạt, cũng có điều chỉnh kịp thời, đáp ứng đầy đủ cung ứng vốn cho nền kinh tế nhưng vẫn kiểm soát được ổn định kinh tế vĩ mô.

❖ **Rủi ro về luật pháp**

Nền kinh tế của Việt Nam đang trên đà phát triển, tuy nhiên, khung pháp lý và luật pháp tại Việt Nam chưa phát triển tương xứng với sự phát triển kinh tế như các nền kinh tế phát triển khác. Hơn nữa, các thay đổi về chính sách và việc diễn giải về pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động của Công ty. Là một công ty cổ phần hoạt động kinh doanh chủ chốt trong lĩnh vực sản xuất thủy điện, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu từ Luật Doanh nghiệp và các quy định, quy trình an toàn nghiêm ngặt. Do vậy, bất kỳ điều chỉnh nào của chính sách pháp luật và các quy định riêng của ngành điện cũng sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ **Rủi ro đặc thù ngành**

**Rủi ro về thời tiết:** Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sản lượng và hiệu quả của các nhà máy thủy điện của Công ty sẽ phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của các nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của Nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

**Rủi ro về nguồn năng lượng thay thế:** Nguồn sản xuất điện hiện nay của nước ta chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện của cả nước, đòi hỏi bổ sung thêm các nguồn năng lượng thay thế khác. Trường hợp các nguồn năng lượng thay thế như các dự án về phong điện và điện mặt trời hoạt động hiệu quả và giảm được đáng kể chi phí so với các nguồn cùng hiện tại thì đây là một mối đe dọa với ngành thủy điện trong tương lai.

**Rủi ro việc độc quyền phân phối điện:** Hiện nay, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có vị thế độc quyền hoàn toàn trong ngành điện, có chức năng sản xuất, truyền tải và phân phối

điện cho cả nước. Do đó, các công ty thủy điện gặp nhiều khó khăn trong việc đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện từ các nguồn điện mới ngoài Tập đoàn. Giá bán điện phụ thuộc vào quyết định của Bộ Công Thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các nhà máy không được điều chỉnh tăng giá điện hàng năm theo cơ chế thị trường, việc này dẫn đến xuất hiện nguy cơ giá Tập đoàn Điện lực đề xuất thấp hơn mức mong đợi hoặc không bù đắp được chi phí đầu tư và lãi vay của Công ty.

❖ **Rủi ro về hoạt động đầu tư**

Rủi ro về hoạt động đầu tư là sự mất cơ hội, giảm tài sản, mất vốn hay mất nguồn thu từ việc đầu tư vào các dự án, đầu tư tài chính do thị trường biến động xấu hoặc dự án không hiệu quả. Đối với hoạt động đầu tư tài chính: đó là sự mất cơ hội, giảm giá trị do thị trường hoặc mất quyền kiểm soát do đánh giá sai thị trường, không theo sát biến động thị trường.

Đối với hoạt động đầu tư dự án: đó là sự thất thoát vốn do Công ty không kiểm soát được nguồn vốn đầu tư, dự án kém hiệu quả, do sự đánh giá đầu tư không được chính xác hoặc không giám sát dự án đầu tư. Với phương châm giám sát và kiểm soát tốt danh mục đầu tư cộng với đội ngũ phân tích và thẩm định dự án chuyên nghiệp nhiều kinh nghiệm, Công ty luôn hạn chế rủi ro này ở mức thấp nhất.

❖ **Rủi ro đối với Trái phiếu**

• Đặc điểm của Trái phiếu

Trái phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm mà trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở hữu Trái phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và một số khoản nợ không có bảo đảm khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

Do đó, trong trường hợp FDI phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và một số chủ nợ không có bảo đảm khác của Công ty. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền của các chủ nợ có bảo đảm và một số chủ nợ không có bảo đảm khác của Công ty. Trái phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên trước Trái Phiếu mà Công ty có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

• Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty tùy từng thời điểm có quyền huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy

0139  
 G TY  
 HÂN  
 KHO  
 BÌNH  
 TP



định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

❖ **Rủi ro về nhân sự**

Khoa học kỹ thuật tiên tiến đòi hỏi lao động phải có trình độ kỹ thuật cao, bên cạnh đó, tình hình nhảy việc của lao động trẻ càng cao khiến Công ty mất nhiều thời gian và chi phí đào tạo. Trang thiết bị hiện đại đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao, đặt ra nhu cầu phải đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó, Công ty sẽ phải có cơ chế thu hút và giữ chân người tài, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự do mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

❖ **Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, Công ty có thể chịu ảnh hưởng của số rủi ro khác mang tính chất bất khả kháng như thiên tai, động đất, bão, lụt, hỏa hoạn, ... Các rủi ro trong quá trình vận hành nhà máy thủy điện, các sự cố kỹ thuật đối với các máy móc, thiết bị, các công trình đê đập, hồ chứa có thể gây đình trệ hoạt động sản xuất của Công ty. Đó là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thì sẽ có thiệt hại nghiêm trọng về con người và vật chất cũng như ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



Bản Công Bố Thông Tin này được ban hành ngày 15 tháng 01 năm 2020

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

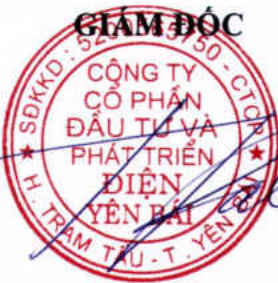
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN YÊN BÁI**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Hoàng Ngọc Định**

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Tất Đạt**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Giang**

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020

**TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI LÝ LƯU KÝ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Chu Tuấn An**